

Số: 1892 /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày 29 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc ban hành Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác  
trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;  
Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17 tháng 11 năm 2010;  
Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ quy định thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 2427/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược khoáng sản đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Chỉ thị số 03/CT-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc tăng cường hiệu lực thực thi chính sách, pháp luật về khoáng sản;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 50/2014/TTLT-BTNMT-BNV ngày 20/8/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Tài nguyên và Môi trường thuộc UBND huyện, quận, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

Thực hiện Công văn số 6667/VPCP-CN ngày 27/6/2017 của Văn phòng Chính phủ về tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản trên phạm vi toàn quốc năm 2016.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 488/TTr- STNMT ngày 15/12/2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

**Điều 2.** Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan hướng dẫn và tổ chức thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh theo đúng quy định của pháp luật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 2.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ngành: Tài nguyên và Môi trường, Công Thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Du lịch, Văn hóa và Thể thao, Xây dựng, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Công an tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh, Báo Ninh Bình, Đài phát thanh và truyền hình Ninh Bình; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố, Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 2;
  - Bộ Tài nguyên và Môi trường;
  - Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
  - TT. Tỉnh ủy; TT. HĐND tỉnh;
  - Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
  - UBMTTQ Việt Nam tỉnh Ninh Bình;
  - Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
  - Lưu: VT, VP3/
- Kh 201

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thạch**

## PHƯƠNG ÁN

**Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**  
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 18.92/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình)*

### I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU

#### 1. Quan điểm:

Khoáng sản là loại tài nguyên hữu hạn và không tái tạo nên phải được quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả. Bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong khu vực. Bảo vệ môi trường sinh thái, góp phần tạo việc làm, đóng góp vào ngân sách và nâng cao đời sống nhân dân.

#### 2. Mục tiêu:

Nhằm đảm bảo quản lý, bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; ngăn chặn, xử lý kịp thời các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, bảo vệ môi trường, sinh thái, bảo đảm quốc phòng, an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trong khu vực; tăng cường hiệu lực quản lý Nhà nước trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản; cụ thể hóa công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; thực hiện quy định tại Điều 16, Điều 18 Luật Khoáng sản năm 2010, Điều 17, Điều 18 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ..

### II. TIỀM NĂNG KHOÁNG SẢN, THỰC TRẠNG CÔNG TÁC QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ KHOÁNG SẢN VÀ HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH; NHỮNG TỒN TẠI HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

#### 1. Tiềm năng khoáng sản:

Ninh Bình được đánh giá là địa phương có tiềm năng chủ yếu về khoáng sản làm vật liệu xây dựng (phong phú về chủng loại và trữ lượng) như đá vôi xi măng, đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, dolomit, sét xi măng, sét gạch ngói, đất đá san lấp. Còn lại hầu như khoáng sản quý hiếm không có hoặc có nhưng trữ lượng quá nhỏ không có giá trị công nghiệp, :

##### 1.1. Khoáng sản làm vật liệu xây dựng:

Đá vôi xi măng, đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp, đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường, đá đolômít, sét xi măng, sét gạch ngói, đá vôi mỹ nghệ, đất đá hỗn hợp làm vật liệu san lấp

- Đá vôi xi măng: Trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, các khu vực được cho phép khai thác tập trung chủ yếu ở huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn, huyện Hoa Lư và thành phố Tam Điệp. Trữ lượng khoảng 1.549.533.000 tấn.

- Đá vôi làm nguyên liệu sản xuất vôi công nghiệp: Tập trung chủ yếu ở các huyện Nho Quan, huyện Gia Viễn và thành phố Tam Điệp.

- Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường: Diện tích phân bố rộng khắp trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tập trung ở các huyện Nho Quan, Gia Viễn, Hoa Lư, Yên Mô, thành phố Tam Điệp. Tài nguyên trữ lượng khoảng 400 triệu m<sup>3</sup>.

- Dolomit: Có chất lượng tốt, hàm lượng MgO từ 17-19%, tập trung ở Thạch Bình, Phú Sơn, Phú Long, huyện Nho Quan, Yên Đồng, huyện Yên Mô, Đông Sơn, thành phố Tam Điệp. Tài nguyên trữ lượng khoảng 2,3 tỷ tấn.

- Sét xi măng: Tập trung ở khu vực thành phố Tam Điệp, huyện Nho Quan và huyện Gia Viễn Trữ lượng đã xác định khoảng 91 triệu tấn.

- Đá ong (laterit): Đá ong là một trong những khoáng sản có tiềm năng khá lớn của tỉnh Ninh Bình. Nhưng do chưa được nghiên cứu sâu về thành phần vật chất và khả năng sử dụng nên đá ong mới chỉ được khai thác để làm gạch xây, phụ gia xi măng. Dự báo tài nguyên đá ong của tỉnh Ninh Bình khoảng 8 triệu tấn 100 triệu m<sup>3</sup>.

- Sét gạch ngói: Sét gạch ngói là khoáng sản khá phổ biến, diện tích phân bố lớn trên địa bàn tỉnh, đặc biệt tập trung ở khu vực thành phố Tam Điệp, các huyện: Nho Quan, Kim Sơn, Yên Khánh, Yên Mô, Hoa Lư. Tổng trữ lượng khoảng trên 76 triệu m<sup>3</sup>.

- Đất đá hỗn hợp làm vật liệu san lấp: Vật liệu san lấp không có các yêu cầu chất lượng cao như các nguyên liệu khác. Thành phần vật liệu san lấp thông thường là cát, dăm sạn, các loại phế liệu khai thác từ các mỏ đá vôi, các loại đá vôi sét chất lượng kém không đủ tiêu chuẩn làm vật liệu xây dựng và nguyên liệu xi măng. Tập trung ở các huyện Nho Quan, thành phố Tam Điệp, tổng trữ lượng khoảng 100 triệu m<sup>3</sup>.

### **1.2. Khoáng sản nhiên liệu:**

- Than mỡ: Mỏ than Đầm Đùn và điểm khoáng sản Đầm Bông xã Thạch Bình, huyện Nho Quan với trữ lượng cấp 121+122 khoảng 1.365.000 tấn, trong đó cấp 121 chiếm 229.000 tấn, cấp 122 khoảng 1.126.000 tấn. Than thuộc loại than cám, màu đen, nhiệt lượng cháy 7.120 – 8.840 Kcal/kg; chất bốc 14,21 – 25,24%; độ tro 9,08-13,5%; lượng lưu huỳnh 1,44 – 5,24. Than thuộc loại gầy, dính kết.

- Than nâu: Mỏ than nâu Đông Giao, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp. Trữ lượng than nâu ở cấp 122+333 khoảng 154.198 tấn.

**1.3. Khoáng sản kim loại:** 01 điểm quặng Antimon ở Yên Vệ, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, quy mô nhỏ, dạng phân tán nhỏ lẻ.

### **1.4. Khoáng sản phi kim:**

- Phosphorit: Đã phát hiện và khoanh định 01 điểm tại Đầm Bông, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan, có quy mô, trữ lượng nhỏ, không đáp ứng với quy mô công nghiệp.

- Pyrit: Đã được phát hiện và tìm kiếm đánh giá 02 điểm khoáng hóa (Đồi Giăng và Đồi Phú Hữu thuộc xã Phú Long, huyện Nho Quan) có trữ lượng khá nhưng chất lượng thấp. Có thể điều tra thăm dò, khai thác khi có nhu cầu.

- Than bùn: Đã phát hiện và tìm kiếm 01 điểm than bùn Yên Bạc, xã Sơn Hà, huyện Nho Quan. Than màu đen, nhẹ, xốp mức độ phân hủy kém, chưa được điều tra, đánh giá chi tiết quy mô và chất lượng.

- Kaolin: Có 01 điểm Kaolin, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan, phân bố trong vỏ phong hóa của các đá sét bột kết thuộc hệ tầng sông Bôi và trong trầm tích Đệ tứ, có diện phân bố hẹp (0,3 km<sup>2</sup>), chiều dày 0,7 – 1,2 m, nằm sâu 1,5- 2,5 m. Kaolin màu trắng, phốt xám xanh.

- Bột màu: Có 02 điểm bột màu tự nhiên tại xã Kỳ Phú và xã Văn Phú, huyện Nho Quan. Bột màu ở đây chưa được nghiên cứu sâu về chất lượng và khả năng sử dụng.

- Nước khoáng nóng: Đã điều tra và đưa vào sử dụng 02 mỏ nước khoáng nóng là mỏ Thường Sung, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan và mỏ Kênh Gà, xã Gia Thịnh, huyện Gia Viễn. Các nguồn nước trên đang được khai thác để sản xuất nước uống và phục vụ ngâm tắm, nghỉ dưỡng.

## **2. Thực trạng công tác quản lý nhà nước về khoáng sản trên địa bàn tỉnh**

### **2.1. Công tác ban hành văn bản:**

Trên cơ sở quy định của Luật Khoáng sản 2010, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã ban hành:

- Văn bản số 23/UBND-VP3 ngày 16/01/2012 về việc tăng cường công tác quản lý trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 32/UBND-VP3 ngày 07/02/2012 về việc triển khai thực hiện Chỉ thị số 02/CT-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày 11/6/2012 về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

- Văn bản số 291/UBND-VP3 ngày 28/11/2016 về việc tăng cường công tác quản lý trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh.

Ngoài ra, Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép như các văn bản triển khai thực hiện các Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

### **2.2. Công tác tuyên truyền phổ biến pháp luật:**

Hàng năm, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì công tác tập huấn, tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật về Luật Khoáng sản cho UBND cấp huyện (lãnh đạo các phòng, ban trực thuộc), lãnh đạo UBND cấp xã, cán bộ phụ trách về lĩnh vực khoáng sản và các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trên địa bàn tỉnh. Tuy vậy mới chỉ tập trung tập huấn cho đối tượng công chức, viên chức, cán bộ phụ trách về lĩnh vực khoáng sản của cơ quan quản lý nhà nước, chưa phổ biến được đến các tầng lớp dân cư.

### **2.3. Công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa:**

Thực hiện Luật khoáng sản năm 2010 về công tác bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác, UBND tỉnh đã ban hành Chỉ thị số 01/CT-UBND ngày ngày 11/6/2012 về việc tăng cường công tác quản lý Nhà nước trong hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản, ngăn chặn hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các cơ quan, đơn vị

chức năng trên bàn tỉnh đã triển khai thực hiện có hiệu quả tinh thần chỉ đạo của UBND tỉnh, do vậy hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh dần đi vào nề nếp, hạn chế các hoạt động khai thác khoáng sản trái phép; quy định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp trong việc quản lý nhà nước về tài nguyên khoáng sản. Tuy nhiên, thời gian gần đây, hoạt động khai thác khoáng sản trái phép (đặc biệt là khoáng sản đất san lấp làm vật liệu xây dựng thông thường) có chiều hướng gia tăng ở một số địa phương trên địa bàn tỉnh do nhu cầu xây dựng, phát triển mở rộng cơ sở hạ tầng, khu dân cư đô thị...

### **3. Những tồn tại, hạn chế, nguyên nhân:**

#### **3.1. Những tồn tại, hạn chế:**

- Công tác quản lý nhà nước về hoạt động khoáng sản có chỗ, có nơi còn chưa chặt chẽ, chưa có sự phối hợp liên ngành.

- Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép vẫn còn tồn tại ở một số nơi trên địa bàn tỉnh nhất là đối với đất hỗn hợp làm vật liệu san lấp thông thường.

#### **3.2. Nguyên nhân:**

- Nhận thức, hiểu biết và trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ khoáng sản của một số cấp ủy, chính quyền địa phương cấp xã và các tổ chức, cá nhân vẫn còn hạn chế. Đội ngũ cán bộ quản lý Nhà nước về khoáng sản tại cấp huyện và cấp xã chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ cả về số lượng và chuyên môn, do phải kiêm nhiệm nhiều lĩnh vực (đất đai, môi trường và khoáng sản).

- Một số tổ chức, cá nhân vì lợi nhuận đã bất chấp pháp luật, lợi dụng các kẽ hở của pháp luật để tiến hành khai thác khoáng sản trái phép. Hoạt động khai thác khoáng sản trái phép diễn biến ngày càng phức tạp, tinh vi (chủ yếu thực hiện sau giờ nghỉ hành chính, tập trung vào ban đêm, vào các ngày nghỉ, ngày lễ).

- Thanh tra chuyên ngành khoáng sản còn thiếu nên chưa phát hiện kịp thời hoạt động khai thác khoáng sản không phép; phát hiện nhưng chưa ngăn chặn hoặc xử lý ngăn chặn chưa triệt để.

### **III. THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, DIỆN TÍCH CÁC KHU VỰC THĂM DÒ, KHAI THÁC KHOÁNG SẢN CỦA CÁC DOANH NGHIỆP ĐANG HOẠT ĐỘNG; CÁC KHU VỰC ĐÃ KẾT THÚC KHAI THÁC, ĐÃ CÓ QUYẾT ĐỊNH ĐÓNG CỬA MỎ; CÁC KHU VỰC CẤM, TẠM CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

#### **1. Các khu vực thăm dò khoáng sản (Phụ lục 1):**

Tính đến 15/11/2017 UBND tỉnh cấp 19 Giấy phép thăm dò khoáng sản đang còn hiệu lực, với tổng diện tích khu vực thăm dò 245,03 ha, tổng trữ lượng 49.802.651,5 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Đá vôi làm vật liệu xây dựng thông thường 05 giấy phép, diện tích khu vực thăm dò 51,03 ha, trữ lượng 23.210.361 m<sup>3</sup>.

- Đất sét gạch 05 giấy phép, diện tích khu vực thăm dò 68,27 ha, trữ lượng 5.076.378,5 m<sup>3</sup>.

- Đất đá hỗn hợp làm vật liệu san lấp 9 giấy phép, diện tích khu vực thăm dò 125,73 ha, trữ lượng 21.515.912 m<sup>3</sup> (chưa kê 3 mỏ chưa được phê duyệt trữ lượng).

**2. Các khu vực khai thác khoáng sản (Phụ lục 2):** Tính đến ngày 15/11/2017 trên địa bàn tỉnh có 77 Giấy phép khai thác khoáng sản, trong đó:

- Giấy phép do UBND tỉnh cấp: 65 giấy phép, với tổng diện tích khu vực khai thác 604,52 ha, trong đó.

+ Đá vôi và đá vôi dolômít 40 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 309,27 ha, trữ lượng 76.723.756,77 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 3.431.000 m<sup>3</sup>/năm.

+ Đất sét gạch 10 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 96,77 ha, trữ lượng 5.670.200 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 270.500 m<sup>3</sup>/năm.

+ Đất đá hỗn hợp, đất đồi làm vật liệu san lấp 14 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 148,03 ha, trữ lượng 25.495.072 m<sup>3</sup>, công suất khai thác 1.831.365 m<sup>3</sup>/năm.

+ Than mỡ 01 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 50,45 ha, trữ lượng 1456.540 tấn, công suất khai thác 70.000 tấn/năm.

- Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp: 12 giấy phép, tổng diện tích khu vực khai thác 386,02 ha, trong đó:

+ Đá vôi xi măng 07 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 278,70 ha, trữ lượng 327.046.981 tấn, công suất khai thác 11.535.800 tấn/năm.

+ Đất sét xi măng 03 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 101,32 ha, trữ lượng 32.030.838 tấn, công suất khai thác 2.351.696 tấn/năm.

+ Dolômít 01 giấy phép, diện tích khu vực khai thác 6 ha, trữ lượng 5.832.754 tấn, công suất khai thác 200.000 tấn/năm.

+ Nước khoáng 01 giấy phép, công suất khai thác 140 m<sup>3</sup>/ngày.

**3. Các khu vực đã kết thúc khai thác, có quyết định đóng cửa mỏ (Phụ lục 3):** Tính đến 15/11/2017 trên địa bàn tỉnh hiện có 18 mỏ đã kết thúc khai thác và đã có quyết định đóng cửa mỏ, với tổng diện tích 69,57 ha.

**4. Các khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản (Phụ lục 4):**

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBND ngày 12/01/2017 của UBND tỉnh Ninh Bình, toàn tỉnh có 626 khu vực, điểm, tuyến cấm hoạt động khoáng sản, với tổng diện tích 492.934.693 m<sup>2</sup>, trong đó:

- Khu vực cấm (Rừng phòng hộ, rừng đặc dụng, vườn quốc gia, khu bảo tồn sinh thái; Khu du lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh; Khu, cụm công nghiệp; Hồ thủy lợi): 96 khu vực, với diện tích 376.976.884 m<sup>2</sup>,

- Điểm cấm (an ninh, quốc phòng; di tích lịch sử - văn hóa; di chỉ khảo cổ; cơ sở tôn giáo): 488 điểm, với diện tích 79.362.217 m<sup>2</sup>.

- Tuyến cấm (Hành lang bảo vệ đê điều; Hành lang bảo vệ giao thông đường bộ, đường sắt; Hành lang bảo vệ lưới điện cao áp): 42 tuyến, với diện tích 36.595.592 m<sup>2</sup>.

Không có khu vực hay điểm nào đưa vào khoanh định là khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản.

#### **IV. CẬP NHẬT THÔNG TIN QUY HOẠCH THĂM DÒ, KHAI THÁC VÀ SỬ DỤNG KHOÁNG SẢN CỦA TỈNH VÀ THÔNG TIN VỀ QUY HOẠCH KHOÁNG SẢN CHUNG CỦA CẢ NƯỚC ĐÃ ĐƯỢC PHÊ DUYỆT TÍNH ĐẾN THỜI ĐIỂM LẬP PHƯƠNG ÁN**

##### **1. Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh:**

- Quy hoạch phát triển vật liệu xây dựng tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 631/QĐ-UBND ngày 21 tháng 8 năm 2012.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Ninh Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 01/QĐ-UBND ngày 05/01/2015.

##### **2. Quy hoạch khoáng sản chung cả nước:**

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 105/2008/QĐ-TTg ngày 21/7/2008.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 152/2008/QĐ-TTg ngày 28/11/2008.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm xi măng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 1065/QĐ-TTg ngày 09/7/2010.

- Quy hoạch thăm dò, khai thác và sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng ở Việt Nam đến năm 2020 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh, bổ sung tại Quyết định số 45/QĐ-TTg ngày 09/01/2012.

- Quy hoạch phát triển công nghiệp vôi đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Bộ trưởng Bộ Xây dựng phê duyệt tại Quyết định số 507/QĐ-BXD ngày 27/4/2015.

#### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC SỞ BAN NGÀNH TRONG CÔNG TÁC BẢO VỆ KHOÁNG SẢN CHƯA KHAI THÁC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

##### **1. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu cho UBND tỉnh ký Quy chế phối hợp quản lý Nhà nước về khoáng sản khu vực giáp ranh giữa tỉnh Ninh Bình và các tỉnh: Nam Định, Hà Nam, Hòa Bình và Thanh Hóa, làm cơ sở để phối hợp trong công tác kiểm tra, xử lý hoạt động khoáng sản trái phép, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả trong công tác quản lý Nhà nước về khoáng sản;

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức, chỉ đạo có hiệu quả công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh theo Phương án này; tham mưu cụ thể hóa văn bản pháp luật, văn bản chỉ đạo, đôn đốc và xử lý vi phạm trong công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác;

- Đẩy mạnh công tác phổ biến, tuyên truyền Luật Khoáng sản và các văn bản pháp luật khác có liên quan. Hàng năm, tổ chức các lớp tập huấn về công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn huyện, thành phố; nghiệp vụ thanh tra, kiểm tra hoạt động khoáng sản cho cán bộ, công chức



cấp huyện, cấp xã làm công tác quản lý nhà nước về lĩnh vực tài nguyên khoáng sản. Tổ chức hội nghị tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân đang hoạt động khoáng sản;

- Chủ trì xây dựng phương án, kế hoạch, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn toàn tỉnh;

- Cung cấp các thông tin, tài liệu về khu vực cấm, tạm thời cấm hoạt động khoáng sản, quy hoạch khoáng sản, khu vực cấp phép hoạt động khoáng sản cho các đơn vị liên quan và các lực lượng chức năng để thực hiện công tác quản lý. Giám sát, theo dõi các hoạt động điều tra cơ bản địa chất khoáng sản, hoạt động thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của Bộ Tài nguyên và Môi trường liên quan đến địa bàn tỉnh Ninh Bình;

- Chủ trì, tổ chức kiểm tra định kỳ hoặc đột xuất tại các địa bàn thường xảy ra hoạt động khoáng sản trái phép hoặc có nguy cơ xảy ra khai thác khoáng sản trái phép. Lực lượng nòng cốt là Thanh tra chuyên ngành, Phòng Khoáng sản, Chi cục quản lý đất đai, Chi cục Bảo vệ môi trường; lực lượng chức năng tại địa phương nơi có hoạt động khoáng sản trái phép; các sở, ngành chức năng và Công an tỉnh được huy động tham gia phối hợp để xử lý vụ việc có tính chất phức tạp;

- Thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về khoáng sản, giải quyết các tranh chấp, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo; xử lý theo thẩm quyền hoặc tham mưu UBND tỉnh xử lý các trường hợp vi phạm pháp luật về thăm dò, khai thác khoáng sản theo quy định;

- Đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện của các cấp, các ngành được giao nhiệm vụ trong Phương án này; định kỳ hàng tháng, tổng hợp báo cáo kết quả công tác quản lý bảo vệ khoáng sản trên địa bàn về UBND tỉnh;

- Phối hợp, lấy ý kiến Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, các cấp, các ngành chức năng có liên quan khi xem xét đề nghị cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động khoáng sản cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh để không làm ảnh hưởng đến đất an ninh, quốc phòng, công trình an ninh, quốc phòng, khu vực phòng thủ của tỉnh cũng như an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

**2. Sở Công thương:** Thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nằm trong hành lang lưới điện cao áp; chỉ đạo Chi cục Quản lý thị trường tăng cường công tác kiểm tra, xử lý kịp thời việc tàng trữ, vận chuyển, mua bán khoáng sản không có nguồn gốc khai thác, chế biến hợp pháp.

**3. Sở Xây dựng:** Thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong các dự án đầu tư xây dựng công trình đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt.

**4. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:** Thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác nằm trong hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

**5. Sở Giao thông Vận tải:** Thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông được giao quản lý.

**6. Sở Du lịch, Sở Văn hóa Thể thao:** Phối hợp bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại các khu vực thuộc di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh.

**7. Sở Thông tin và Truyền thông:** Thực hiện bảo vệ khoáng sản chưa khai thác tại khu vực thuộc hành lang bảo vệ các công trình thông tin liên lạc viễn thông.

**8. Sở Tài chính:** Thẩm định dự toán chi cho nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác do Sở Tài nguyên Môi trường, Báo Ninh Bình, Đài phát thanh và truyền hình Ninh Bình, UBND cấp huyện. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và dự toán thu từ nguồn thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản năm kế hoạch được hưởng theo phân cấp; Sở Tài chính xem xét, tổng hợp phương án phân bổ chi ngân sách, trình UBND tỉnh xem xét, quyết định.

**9. Công an tỉnh:** Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc đất dành riêng cho an ninh các khu vực thuộc quy hoạch đất an ninh; ngăn chặn, xử lý hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, hủy hoại, gây ô nhiễm môi trường, gây mất an ninh trật tự xã hội. Phối hợp các sở ngành liên quan, kiểm tra, xử lý hoạt động mua, bán, vận chuyển, tàng trữ, tiêu thụ khoáng sản không có nguồn gốc hợp pháp.

**10. Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh:** Bảo vệ khoáng sản chưa khai thác thuộc đất quốc phòng, công trình quốc phòng và các khu vực thuộc quy hoạch đất quốc phòng.

**11. Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh:** Kiểm tra, xử lý hoạt động khai thác, mua, bán, vận chuyển, tàng trữ khoáng sản trái phép theo quy định của pháp luật.

**12. Cục thuế tỉnh:** Truy thu các nghĩa vụ tài chính đối với sản lượng khoáng sản khai thác trái phép; xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật Thuế.

**13. Báo Ninh Bình, Đài phát thanh và truyền hình Ninh Bình:**

- Phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường xây dựng chuyên mục, chuyên trang, tuyên truyền đều đặn các nội dung liên quan đến các quy định của pháp luật về tài nguyên khoáng sản, bảo vệ khoáng sản trên địa bàn tỉnh;

- Đăng tải thông tin về hoạt động khai thác khoáng sản và các vụ việc khai thác khoáng sản trái phép.

- Chịu trách nhiệm về thông tin đã đăng tải theo quy định của pháp luật.

**VI. TRÁCH NHIỆM CỦA UBND CẤP HUYỆN, CẤP XÃ; HÌNH THỨC XỬ LÝ TẬP THỂ, CÁ NHÂN ĐỂ XÂY RA KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÁI PHÉP**

**1. UBND cấp huyện, cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn quản lý:**

UBND cấp huyện, cấp xã nếu để hoạt động khoáng sản trái phép kéo dài trên địa bàn quản lý; gây bức xúc trong dư luận, tác động xấu đến cảnh quan môi trường, ảnh hưởng đến an ninh trật tự và đời sống của người dân địa phương phải nghiêm túc kiểm điểm, làm rõ trách nhiệm đối với cán bộ, người đứng đầu cơ quan, đơn vị. Trường hợp phát hiện cán bộ, công chức bao che, tiếp tay cho hoạt động khoáng sản trái phép; thỏa thuận, cho phép các tổ chức, cá nhân hoạt động khoáng sản trái pháp luật phải xử lý, kỷ luật.

**2. Chủ tịch UBND cấp huyện:** Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh khi để xảy ra tình trạng khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn mà không xử lý hoặc để diễn ra kéo dài theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

**3. Chủ tịch UBND cấp xã:** Chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND cấp huyện về bảo vệ khoáng sản chưa khai thác, hoạt động khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý.

## **VII. QUY ĐỊNH TRÁCH NHIỆM PHỐI HỢP GIỮA CÁC SỞ, NGÀNH CÓ LIÊN QUAN TRONG VIỆC CUNG CẤP, XỬ LÝ THÔNG TIN VÀ GIẢI TỎA HOẠT ĐỘNG KHAI THÁC TRÁI PHÉP**

### **1. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các Khu công nghiệp:**

Tổng hợp, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về khối lượng khoáng sản đất, đá đào đắp trong dự án đã được phê duyệt, cấp giấy chứng nhận đầu tư với các dự án có thu hồi vận chuyển khoáng sản ra khỏi dự án (gồm các thông tin: chủ đầu tư; giấy chứng nhận đầu tư được cấp; diện tích dự án; khối lượng đất, đá đắp; khối lượng đất, đá đào vận chuyển ra khỏi dự án...).

### **2. Sở Xây dựng:**

Tổng hợp, thông báo cho Sở Tài nguyên và Môi trường về khối lượng khoáng sản đất, đá đào đắp trong dự án đã được phê duyệt theo Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1:500 đối với các dự án có thu hồi vận chuyển khoáng sản ra khỏi dự án (gồm các thông tin: chủ đầu tư; giấy chứng nhận xây dựng được cấp; diện tích dự án; khối lượng đất, đá đắp; khối lượng đất, đá đào vận chuyển ra khỏi dự án...).

### **3. Các cơ quan, đơn vị còn lại đã nêu tại mục IV:**

Trong phạm vi chức năng quản lý, kịp thời phát hiện, cung cấp thông tin và phối hợp với UBND cấp huyện, cấp xã, Sở Tài nguyên và Môi trường bảo vệ các khu vực khoáng sản chưa được cấp phép khai thác.

## **VIII. KẾ HOẠCH, GIẢI PHÁP TỔ CHỨC THỰC HIỆN; KINH PHÍ THỰC HIỆN**

### **1. Kế hoạch và các giải pháp thực hiện:**

#### **1.1. UBND cấp huyện, cấp xã:**

- Chủ động phát hiện, lập kế hoạch bảo vệ khoáng sản chưa khai thác hàng năm và tổ chức thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm về khai thác khoáng sản trái phép trên địa bàn quản lý; báo cáo UBND cấp trên các trường hợp vượt thẩm quyền, khai thác khoáng sản trái phép liên quan đến địa phương lân cận.

- Khi phát hiện hoạt động khoáng sản trái phép phải chủ động tổ chức, huy động lực lượng để giải tỏa, ngăn chặn; lập Biên bản hành vi vi phạm của tổ chức, cá nhân; xử lý theo thẩm quyền, trường hợp vượt quá thẩm quyền, phải báo cáo cơ quan cấp trên để xử lý theo quy định.

- Đối với các trường hợp phức tạp, nằm ngoài tầm kiểm soát, đã tổ chức lực lượng và có các biện pháp xử lý nhưng vẫn không thể giải quyết phải kịp thời báo cáo cơ quan cấp trên. Các trường hợp khẩn cấp có thể thông báo qua điện thoại, nhưng sau đó phải có văn bản báo cáo cụ thể.

- Thực hiện báo cáo định kỳ tình hình bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn địa phương theo quy định tại điểm d Khoản 2, điểm c Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ. UBND cấp huyện báo cáo UBND tỉnh (qua Sở Tài nguyên và Môi trường) trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

## **1.2. Sở Tài nguyên và Môi trường:**

- Chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương tổng hợp khối lượng từng loại khoáng sản khai thác hàng năm, điều chỉnh bản đồ, hồ sơ kiểm tra, bảo vệ khoáng sản chưa khai thác theo Phương án đã được phê duyệt.

- Tham mưu UBND tỉnh về tổng kết, đánh giá công tác bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh và Báo cáo tình hình quản lý nhà nước về khoáng sản hàng năm cho Bộ Tài nguyên và Môi trường theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 7, điểm c Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ.

## **2. Kinh phí thực hiện:**

Trước ngày 15/8 hàng năm (cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước), các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ trên Lập dự toán chi nhiệm vụ bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh, trình cơ quan có thẩm quyền thẩm định, phê duyệt theo quy định.

## **IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Yêu cầu Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các cơ quan liên quan: Tài nguyên và Môi trường, Công thương, Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng, Giao thông vận tải, Văn hóa Thể thao, Du lịch, Thông tin và Truyền thông, Tài chính); Cục thuế tỉnh, Ban Quản lý các Khu công nghiệp, Công an tỉnh, Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; Báo Ninh Bình, Đài phát thanh và truyền hình Ninh Bình; các tổ chức, cá nhân được cấp Giấy phép thăm dò, Giấy phép khai thác khoáng sản thực hiện nghiêm túc Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh Ninh Bình.

2. Các Sở, ngành, UBND các cấp phối hợp cung cấp thông tin, số liệu liên quan đến hoạt động khoáng sản để Báo Ninh Bình, Đài phát thanh và Truyền hình tỉnh thực hiện tốt công tác tuyên truyền.

3. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường theo dõi, đôn đốc các đơn vị triển khai thực hiện Phương án bảo vệ khoáng sản chưa khai thác trên địa bàn tỉnh; kịp thời tổng hợp, đề xuất UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp tình hình thực tế./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Ngọc Thạch**



PHỤ LỤC SỐ 1

CÁC KHU VỰC ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP THĂM DÒ KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1892/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2017 của UBND tỉnh Ninh Bình)

STT	TÊN TỔ CHỨC	LOẠI KHOÁNG SẢN	KHU VỰC	GP THĂM DÒ	QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT	DIỆN TÍCH
1	Công ty TNHH Xuân Thiện - Ninh Bình	Đá vôi	Núi Giăng, xã Lạc Vân, huyện Nho Quan	06/GP-UBND ngày 23/6/2009	852/QĐ-UBND ngày 11/9/2010	25.14
2	Công ty TNHH Trường Thành	Đất sét gạch	mỏ sét Khánh Dương, xã Khánh Dương, huyện Yên Mô	31/GP-UBND ngày 28/12/2009	193/QĐ-UBND ngày 10/3/2010	7.93
3	Công ty TNHH xuất khẩu thủ công mỹ nghệ Đông Thành	Đất sét gạch	mỏ sét Trà Tu, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp	18/GP-UBND ngày 7/9/2010	1080/QĐ-UBND ngày 14/12/2010	15.11
4	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Đất đá hỗn hợp	mỏ đất đá hỗn hợp tại phía Tây Bắc đồi Ngang, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp	35/GP-UBND ngày 29/12/2010	786/QĐ-UBND ngày 2/10/2014	9.90
5	Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	Đất đá hỗn hợp	Đồi Trại Vòng, xã Quang Sơn, thị xã Tam Điệp	35/GP-UBND ngày 16/6/2011	592/QĐ-UBND ngày 16/8/2013	31.44
6	DNTN Trường Phú Mỹ	Đá vôi	phía Đông Nam núi Cửa Khẩu, phường Tân Bình, thị xã Tam Điệp	40/GP-UBND ngày 24/6/2011		3.00
7	Công ty cổ phần công nghiệp Hà Nam Ninh (trước - DNTN Tuấn Lập)	Đá vôi	núi Quyền Giang, xã xích Thổ	41/GP-UBND ngày 24/6/2011	157/QĐ-UBND ngày 3/8/2012	18.00

8	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Đại Sơn	Đất sét gạch	mỏ đất sét xã Yên Sơn, thị xã Tam Điệp	08/GP-UBND ngày 6/4/2012	754/QĐ-UBND ngày 24/9/2014	35.71
9	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng Cường Thịnh Thi	Đất đá hỗn hợp	Núi Con Lợn, xã Yên Đồng, huyện Yên Mô	06/GP-UBND ngày 1/2/2013	795/QĐ-UBND ngày 28/10/2013	6.01
10	Công ty TNHH xây dựng Thống Nhất	Đất đá hỗn hợp	Eo Yên Ngựa – Thung Trô, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp	09/GP-UBND ngày 13/3/2013	142/QĐ-UBND ngày 10/3/2014	11.54
11	Công ty đầu tư thương mại Quang Tuấn	Đá vôi	núi Mai, xã Đông Sơn, thị xã Tam Điệp	14/GP-UBND ngày 24/6/2013	76/QĐ-UBND ngày 27/1/2014	2.86
12	Công ty TNHH thương mại và XNK Hải An	Đá vôi	núi Mãng, xã Quang Sơn, phường Nam Sơn, thị xã Tam Điệp	16/GP-UBND ngày 16/8/2013	62/QĐ-UBND ngày 23/1/2014	2.03
13	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Đất đá hỗn hợp	Mỏ đất đồi Cầu Thùng Xã Quang Sơn – Xã Yên Sơn, thị xã Tam Điệp	31/GP-UBND ngày 31/12/2015		41.96
14	Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Yên Từ (NM gạch Khánh Thượng)	Đất sét gạch	mỏ sét Yên Hòa, Yên Thắng, huyện Yên Mô	27/GP-UBND ngày 30/11/2015	857/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	4.22
15	Công ty cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Yên Từ (NM gạch Khánh Thượng)	Đất sét gạch	mỏ sét đồi Đình, thôn Khánh Ninh, xã Yên Sơn, TX Tam Điệp	28/GP-UBND ngày 30/11/2015	858/QĐ-UBND ngày 29/6/2017	5.30



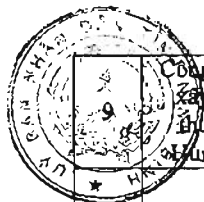
16	Công ty cổ phần Phúc Lộc	Đất đá hỗn hợp	đồi Đền Đông, đồi Ông Chới, phường Tân Bình, thị xã Tam Điệp	28/GP-UBND ngày 4/11/2016		2.85
17	DNXD Xuân Trường	Đất đá hỗn hợp	mỏ đất đá hỗn hợp tại đồi Ba Mào, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	12/GP-UBND ngày 28/7/2017		7.90
18	DNXD Xuân Trường	Đất đá hỗn hợp	mỏ đất đá hỗn hợp tại đồi Dàn Sí, xã Gia Hòa, huyện Gia Viễn	13/GP-UBND ngày 28/7/2017		12.15
19	Công ty TNHH xây dựng phát triển Hoàng Thành	Đất đồi	Đồi Hang Trăn, xã Văn Phú, huyện Nho Quan	05/QP-UBND ngày 14/4/2017	1206/QĐ-UBND ngày 12/9/2017	1,98

**PHỤ LỤC SỐ 2**  
**CÁC KHU VỰC ĐÃ ĐƯỢC CẤP PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**  
**A- Giấy phép do UBND tỉnh cấp:**

STT	Tổ đơn vị	Loại khoáng sản	Khu vực hoạt động khai thác					
			Khu vực khai thác	Số giấy phép khai thác, ngày cấp	Thời hạn (năm)	Diện tích (ha)	Công suất (m <sup>3</sup> /năm)	Trữ lượng (m <sup>3</sup> )
1	Công ty cổ phần gốm xây dựng Quỳnh Lưu	Đất sét gạch	Đồi Rào, Làng Quỳnh và Rộc Lầy, xã Quỳnh Lưu, huyện Nho Quan	361/QĐ-UBND ngày 02/02/2007	15	18.10	38,000	569,245

2	Công ty cổ phần Nam Anh Tú	Đá vôi	Núi Cay, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	2151/QĐ-UBND ngày 12/09/2007	20	3.06	45,000	906,952
3	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Xuân Hòa	Đất sét gạch	Mỏ đất Đồng Quèn, xã Lạc Vân, huyện Nho Quan	1456/QĐ-UBND ngày 01/08/2008	20	9.90	12,500	250,000
4	Công ty TNHH đầu tư sản xuất và thương mại Thành Hưng	Đất đá hỗn hợp	Đồi Thông Nhất (đồi Giàng), xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	1014/QĐ-UB ngày 20/05/2008	18	6.20	49,000	908,000
5	Công ty TNHH Trung Nghĩa	Đá vôi	Núi Đò Đen, xã thượng Hòa, huyện Nho Quan	1375/QĐ-UBND ngày 17/07/2008	20	6.60	45,000	940,540
6	Công ty cổ phần Sinh Phát Lộc	Than mỡ	Mỏ than Đầm Đùn, xã Thạch Bình, huyện Nho Quan	QĐ điều chỉnh số 168/QĐ-UBND ngày 09/2/2015; 78/QĐ-UBND ngày 21/01/2009	đến tháng 01/2031	50.45	70,000	1,456,540 (tấn)
7	Công ty cổ phần VL và XD Gia Lâm	Đất sét gạch	Thung Cỏ, xã Lạc Vân và đồi Chành, xã Gia Lâm, huyện Nho Quan	12/GP-UBND ngày 21/09/2009	18	8.63	45,000	967,590
8	Công ty TNHH xây dựng Xuân Quyền	Đất sét gạch	Mỏ đất sét xã Gia Lạc, huyện Gia Viễn	QĐ điều chỉnh số 269/QĐ-UBND ngày 08/02/2017; 26/GP-UBND (20năm) ngày 03/12/2009	30	10.88	22,500	1,065,000





	Công ty TNHH xây dựng và thương mại Hưng Vương	Đá vôi	Núi Hang Thuyền ~ Máng Lợn, xã Đức Long, huyện Nho Quan	22/GP-UBND ngày 01/09/2010	15	8.10	150,000	3,771,974
10	Công ty TNHH MTV Minh Trang	Đá vôi	Mỏ đá Tây Bắc núi Lòng Lan, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	QE số 1277/QĐ-UBND ngày 03/10/2016; 03/QĐ-UB (15năm) ngày 13/01/2010	27	4.00	49,000	1,299,171
11	Công ty TNHH MTV đầu tư xây dựng Toàn Thành	Đất sét gạch	Mỏ sét đội 7, xã Mai Sơn, huyện Yên Mô	12/GP-UBND ngày 02/03/2010	15	6.77	30,000	465,300
12	Công ty cổ phần VLXD và xây lắp số 5	Đất sét gạch	Mỏ sét Đồng Đồi, thị trấn Yên Thịnh	27/GP-UBND ngày 03/11/2010	10	7.35	30,000	292,660
13	Công ty TNHH MTV Tô Tiến Phát	Đá vôi	Mỏ đá núi Cửa Khâu, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp	29/GP-UBND ngày 07/12/2010	20	6.00	100,000	2,548,695
14	Công ty TNHH thương mại dịch vụ và sản xuất Gia Huệ	Đá vôi	Mỏ đá núi Cửa Khâu, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp	30/GP-UBND ngày 17/12/2010	20	3.20	49,000	1,005,221
15	Công ty TNHH MTV Việt Thắng	Đá vôi	Mỏ đá vôi núi Cháy, phường Nam Sơn, TP Tam Điệp	33/GP-UBND ngày 21/12/2010	20	4.00	49,000	1,429,008

16	Công ty cổ phần Nhật Quân Anh	Đất đá hỗn hợp	Đồi Sòng Vắn, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	QĐ điều chỉnh số 723/QĐ-UBND ngày 29/5/2017; 32/GP-UBND (15 năm) ngày 21/12/2010	30	30.00	200,000	5,834,496
17	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Kim Phát	Đá vôi	Mỏ đá núi Hùng, xã Yên Thái, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô	QĐ điều chỉnh 14/QĐ-UBND ngày 05/01/2017; 34/GP-UBND (20 năm) Ngày 29/12/2010	30	10.00	100,000	3,314,298
18	Công ty TNHH vận tải và thương mại Đại Đoàn	Đất đá hỗn hợp	Phía Tây Bắc, đồi Ba mào, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	33/GP-UBND ngày 02/06/2011	20	3.32	49,000	1,046,610
19	Công ty TNHH MTV Thiên Tân	Đá vôi	Núi Bài Thung, xã Đức Long, huyện Nho Quan	QĐ điều chỉnh số 1234/QĐ-UBND ngày 22/9/2016; 05/GP-UBND (10 năm) Ngày 01/03/2011	17	7.00	100,000	1,616,544
20	Công ty cổ phần đầu tư Vạn Xuân-Ninh Bình	Đá vôi, Đolômít	phía Tây bắc đồi Thông Tin, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	06/GP-UBND ngày 03/03/2011	30	36.11	440,000	15,019,910



	Công ty cổ phần Thương mại và dịch vụ VLXD Đức Long	Đá vôi	Núi Thung Lở – Mỏ Vịt, xã Đức Long, huyện Nho Quan	12/GP-UBND ngày 15/03/2011	20	4.00	95,000	1,738,946
22	Công ty TNHH đầu tư phát triển Xuân Nhật (DNTN Nhật Dung)	Đá vôi	Núi Bàng, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô	QĐ điều chỉnh 964/QĐ-UBND ngày 21/7/2017; 07/GP-UBND ngày 04/03/2011	30	8.20	55,000	2,594,142
23	Công ty TNHH thương mại và dịch vụ Long Vân	Đá vôi	Núi Địa Lý, phường Tân Bình, thành phố Tam Điệp	QĐ điều chỉnh số 1146/QĐ-UBND ngày 31/8/2017; 22/GP-UBND ngày 18/04/2011	20	5.00	49,000	1,192,897
24	Trại giam Ninh Khánh	Đá vôi	Núi Hang Hốc, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	25/GP-UBND ngày 26/04/2011	20	6.46	30,000	1,458,144
25	Công ty cổ phần gạch Kim Chính	Đất sét gạch	Khu vực ngoài đê sông Đáy, xã Quang Thiện, huyện Kim Sơn	18/GP-UBND ngày 05/04/2011	20	11.50	30,000	750,750
26	Công ty TNHH Xuân Thiện Ninh Bình	Đá vôi	Núi Cay, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	30/GP-UBND ngày 26/05/2011	30	64.80	375,000	55.962.441
27	Công ty TNHH đầu tư phát triển Quang Minh Ninh Bình	Đá vôi	Phía Đông Bắc núi Thung Chuông, xã Đức Long, huyện Nho Quan	30/GP-UBND ngày 30/05/2011	20	14.00	150,000	3,840,548

28	Công ty TNHH Phúc Lộc	Đá vôi	Mỏ đá núi Hồng, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	27/GP-UBND ngày 06/05/2011	20	10.25	110,000	2,882,834
29	DNTN xây dựng và kinh doanh VLXD Xuân Học	Đá vôi	Núi Lòng Lan, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	58/GP-UBND ngày 06/09/2011	20	1.27	30,000	573,344
30	Công ty TNHH đầu tư và xây dựng Thành Đạt	Đất đá hỗn hợp	Đồi Sòng Cầu, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	39/GP-UBND ngày 22/06/2011	20	5.10	49,000	1,767,053
31	DNTN Tuấn Thành	Đá vôi	Núi Thung Trê Dưới, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	QĐ điều chỉnh 1388/QĐ-UBND ngày 24/10/2016; 42/GP-UBND (20năm) ngày 27/06/2011	26.5	10.20	160,000	3,908,069
32	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và phát triển Xuân Thành	Đất đá hỗn hợp	đồi Ngang, xã Đông Sơn, TP Tam Điệp và xã Yên Đồng, huyện Yên Mô	46/GP-UBND ngày 28/06/2011	20	15.50	300,000	6,788,600
33	Công ty TNHH Thảo Anh Gia Sinh	Đá vôi	Núi Mư, Hang Trắng, núi Vồng Quốc, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn	50/GP-UBND ngày 30/06/2011	20	18.09	100,000	1,987,116



	DNTN Hệ Đường	Đá vôi	Núi Mã Vôi, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	QĐ điều chỉnh số 270/QĐ-UBND ngày 08/02/2017; 48/GP-UBND (20năm) ngày 30/06/2011	25.3	4.80	70,000	1,707,042
35	Công ty TNHH đá Việt Hồng Quang	Đá vôi	Núi Mã Vôi, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	QĐ điều chỉnh 1387/QĐ-UBND ngày 24/10/2016; 49/GP-UBND (20năm) ngày 30/06/2011	29.5	5.00	100,000	2,751,227
36	Công ty TNHH đầu tư xây dựng và thương mại Minh Tuấn	Đất đá hỗn hợp	Đồi phía đông Hồ Trại Vòng, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	47/GP-UBND ngày 30/06/2011	30	6.90	49,000	1,860,100
37	Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại	Đá vôi	Đông Bắc núi Mai Xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	56/GP-UBND ngày 18/08/2011	20	4.61	49,000	1,806,577
38	DNTN Hoài Huyền	Đá vôi	Chân núi Quên Khó, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	55/GP-UBND ngày 18/08/2011	20	1.70	30,000	564,718
39	Công ty TNHH Âu Lạc	Đá vôi	Mỏ đá Đồng Giao, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp	54/GP-UBND ngày 10/08/2011	20	1.66	25,000	525,492

40	DNTN vận tải Sơn Linh	Đá vôi	Mỏ đá núi Dông Than, P Yên Bình, thành phố Tam Điệp	01/GP-UBND ngày 11/01/2011	15	4.50	47,000	973,871
41	Công ty TNHH MTV Minh Phương Hoa	Đất đá hỗn hợp	đồi Bồ Đề, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	09/GP-UBND Ngày 05/07/2012	17	1.97	17,000	271,458
42	Công ty cổ phần tập đoàn đầu tư xây dựng Cường Thịnh Thi	Đất đá hỗn hợp	Đồi Sông Cầu, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	QĐ điều chỉnh tên 1046/QĐ-UBND; 20/GP-UBND ngày 09/10/2012	20	5.44	49,000	2,245,851
43	Tổ hợp khai thác đá Thanh Bình	Đá vôi	Mỏ đá núi Sâu, xã Khánh Thượng, huyện Yên Mô	23/GP-UBND ngày 25/12/2012	20	1.47	30,000	714,758
44	HTX sản xuất VLXD Sông Cầu	Đá vôi	Núi Bài Ngõ, xã Gia Tường, huyện Nho Quan	08/GP-UBND ngày 05/03/2013	18	3.50	45,000	839,591
45	Công ty TNHH Phúc Lộc	Đất đá hỗn hợp	Đồi Ba Mào, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	07/GP-UBND ngày 05/03/2013	20	12.80	100,000	2,649,748
46	Công ty TNHH Đồi Mới	Đá vôi	Núi Trẽ, xã Yên Thành, huyện Yên Mô	17/GP-UBND ngày 20/08/2013	6	1.25	18,000	184,768
47	Tổ hợp sản xuất VLXD Hồng Hải	Đá vôi	Núi Kè, thôn Nhân Phẩm, xã Yên Lâm, huyện Yên Mô	23/GP-UBND ngày 22/11/2013	11	1.17	15,000	161,144



	Công ty TNHH Phụ Thành	Đá vôi	núi Trề Trên, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	04/GP-UBND ngày 22/01/2014	20	3.45	45,000	981,995
	DNTN Hoa Cương	Đất đá hỗn hợp	đồi Rộc cho, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan	26/GP-UBND ngày 06/11/2014	20	2.80	18,000	347,547
50	DNXD Xuân Trường	Đất đá hỗn hợp	Núi Voi Trong, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp và đồi Ngang, núi Béo, xã Yên Đồng, huyện Yên Mô	21/GP-UBND ngày 20/08/2014	30	40.00	410,000	13.973.568
51	DNTN xây dựng và thương mại Tuấn Hưng	Đá vôi	Núi Đằm Ngang xã Gia Tường	22/GP-UBND ngày 26/08/2014	T2/2022	2.29	40,000	353.150,6
52	Công ty cổ phần đá Đồng Giao	Đá vôi	Mỏ đá Đồng Giao, phường Nam Sơn, thành phố Tam Điệp	24/GP-UBND ngày 15/10/2014	30	3.18	30,000	840.479,8
53	DNTN Gia Lương	Đá vôi	Mỏ đá núi Bồ Đình, xã Gia Vượng, huyện Gia Viễn	29/GP-UBND ngày 03/12/2015	20	3.00	40,000	774,661
54	HTX sản xuất VLXD Hợp Thành	Đá vôi	Mỏ đá núi Kè, xã Lai Thành, huyện Kim Sơn và xã Yên Lâm, huyện Yên Mô	08/GP-UBND ngày 07/04/2015	8,5	0.71	10,000	71,823

55	Công ty TNHH Hòa Nam	Đất đá hỗn hợp	Mỏ đất đồi Dốc Bệu, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	12/GP-UBND ngày 08/05/2015	4	2.90	49,000	225,623
56	Công ty TNHH MTV Việt Thắng	Đá vôi Đolômít	Mỏ đá vôi đolômít, núi 81-Lòng Lan, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	30/GP-UBND ngày 08/12/2015	8	2.08	30,000	213,760
57	Công ty TNHH đầu tư xây dựng Kim Phát	Đất sét gạch	Mỏ sét Yên Lộc, xã Yên Lộc, huyện Kim Sơn	21/GP-UBND ngày 17/08/2015	14	6.20	22,500	313,500
58	HTX khai thác và sản xuất VLXD Tây Sơn	Đá vôi	Mỏ đá núi Hang Luồn, xã Xích Thổ, huyện Nho Quan	17/GP-UBND ngày 10/07/2015	20	1.00	20,000	348,423
59	Công ty TNHH An Thành Long	Đá vôi	Núi Thung Chuông, xã Đức Long, huyện Nho Quan	04/GP-UBND ngày 11/02/2015	25	10.16	130,000	3,009,276
60	DNXD Xuân Trường	Đất đá hỗn hợp	Mỏ đất đá hỗn hợp đồi Thông Tin, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	14/GP-UBND ngày 17/06/2016	hết năm 2019	13.40	465,000	1,429,580
61	Công ty cổ phần phát triển Đầu tư Thái Sơn Bộ Q.P.	Đá vôi	Mỏ đá tại khu vực Hang Nước, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	29/GP-UBND ngày 07/11/2016	22	12	200,000	4068960
62	Công ty cổ phần sản xuất vật liệu xây dựng Hoàng Long Ninh Bình	Đất sét gạch	Mỏ đất sét làm nguyên liệu SX gạch tại xã Gia Sơn, huyện Nho Quan	18/GP-UBND ngày 12/08/2016	30	9.81	25,000	707,366





	Công ty TNHH Bình Phú Nho Quan	Đất sét gạch	Mỏ đất sét làm nguyên liệu sản xuất gạch tại xã Văn Phú, huyện Nho Quan	38/GP-UBND ngày 30/12/2016	20	7.63	15,000	288,789
64	Công ty TNHH MTV khoáng sản Vôi Việt	Đá vôi	Mỏ đá vôi tại khu vực núi Sẻ Chè, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	10/GP-UBND ngày 12/6/2017	30	11.40	176,000	5,181,712
65	Công ty cổ phần giống bò thịt, sữa Yên Phú	Đất đồi	Đồi dốc Bệu, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	385/XN-UBND ngày 23/10/2017	5	1.70	27,365	120,406

**B- Giấy phép do Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp: (đến ngày 15/11/2017)**

STT	Tổ chức cá nhân	Loại khoáng sản Chính	Khu vực hoạt động khai thác					
			Khu vực khai thác	Số giấy phép khai thác, ngày cấp	Thời hạn (năm)	Diện tích (ha)	Công suất (tấn/năm)	Trữ Lượng (tấn)
1	Công ty TNHH MTV xi măng Vicem Tam Điệp	Đá vôi xi măng	Mỏ đá vôi núi Hang Nước, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	633/GP-BTNMT ngày 28/05/2004	30	58.04	1,783,000	53,490,000
2	Công ty cổ phần VISSAI Ninh Bình	Đá vôi xi măng	Mỏ đá Gia Thanh, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	2352/GP-BTNMT ngày 10/11/2008	24	21.52	250,000	26,807,645

3	Công ty cổ phần VISSAI Ninh Bình	Đất sét xi măng	Mỏ sét Giá Hoà, Gia Vương, huyện Gia Viễn	2353/GP-BTNMT ngày 10/11/2008	16	21.17	1,200,000	3,827,240
4	Công ty cổ phần xi măng Hướng Dương	Đất sét xi măng	Mỏ đất sét Trà Tu, xã Đông Sơn, thành phố Tam Điệp	990/GP-BTNMT ngày 03/06/2010	30	20.00	240,000	7,090,000
5	Công ty cổ phần xi măng Hướng Dương	Đá vôi xi măng	Mỏ đá vôi núi Hang Nước II, xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	652/GP-BTNMT ngày 07/04/2010	30	23.10	1,000,000	28,872,994
6	Công ty TNHH Duyên Hà	Đá vôi xi măng	Xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư và phường Yên Bình, thành phố Tam Điệp	578/GP-BTNMT ngày 26/04/2012	27	19.50	670,000	17,381,962
7	Công ty cổ phần xi măng Hệ Đường	Đá vôi xi măng	Núi Mã Vôi, xã Ninh Vân, huyện Hoa Lư	1883/GP-BTNMT ngày 07/10/2013	30	71.80	3,875,000	113,150,000
8	Công ty cổ phần xi măng Hệ Đường	Đất sét xi măng	Đồi Đá Lăn thuộc khu đồi Giàng, xã Quảng Lạc, huyện Nho Quan và xã Quang Sơn, thành phố Tam Điệp	1973/GP-BTNMT ngày 17/10/2013	25	60.15	911,696	21,113,598
9	Công ty cổ phần Đolômit Việt Nam	Đolômit	Núi Thung Bưởi, xã Phú Sơn, huyện Nho Quan	2220/GP-BTNMT ngày 08/10/2014	30	6.00	200,000	5,832,754
10	Công ty cổ phần nước khoáng Cúc Phương	Nước khoáng	Thôn Thường Sung, xã Kỳ Phú, huyện Nho Quan	566/GP-BTNMT ngày 18/03/2015	30		140 m3/ngày	



	Công ty TNHH Duyên Hà	Đá vôi xi măng	Phường Tân Bình, xã Yên Sơn, thành phố Tam Điệp	1417/GP-BTNMT ngày 11/06/2015	30	51.13	2,053,800	60,500,166
12	Công ty cổ phần VISSAI Ninh Bình	Đá vôi xi măng	Xã Gia Hòa, xã Gia Thanh, huyện Gia Viễn	2954/GP-BTNMT ngày 22/12/2016	16	33.61	1,904,000	26,844,214

**PHỤ LỤC SỐ 3**  
**TỔNG HỢP DANH SÁCH MỎ ĐÓNG CỬA (ĐẾN NGÀY 15/11/2017)**

STT	Tên tổ chức, cá nhân được cấp phép	Giấy phép khai thác	Quyết định đóng cửa mỏ	Diện tích (ha)	Vị trí khu vực đóng cửa mỏ
<b>1</b>	<b>2</b>			<b>8.00</b>	<b>10</b>
1	Trại giam Ninh Khánh	13/GP-UBND ngày 16/4/2010	112/QĐ-UBND ngày 25/2/2013	1.77	núi Chú Chí, xã Ninh Vân, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
2	Công ty cổ phần VL và xây lắp Tam Điệp	1251/QĐ-UBND ngày 25/6/2008	336/QĐ-UBND ngày 14/5/2014	2.07	mỏ sét khu 4 mẫu, HTX Tiên Phong, phường Tân Bình, TX Tam Điệp

3	Công ty TNHH tập đoàn Hoàng Phát Vissai	2305/QĐ-UBND ngày 28/9/2007	1010/QĐ-UBND ngày 20/11/2014	7.30	phía Đông đồi Tế Mỹ, xã Gia Hòa; thị trấn Me, huyện Gia Viễn
4	DNTN Nguyễn Công Đính	11/GP-UBND ngày 16/7/2012	369/QĐ-UBND ngày 20/4/2015	1.29	mỏ đá phía Tây Nam núi Giếng Hang, xã Yên Thành, huyện Yên Mô
5	Trại giam Ninh Khánh	13/GP-UBND ngày 16/4/2010	589/QĐ-UBND ngày 17/6/2015	1.77	mỏ đá núi Chú Chí, xã Ninh Vân, xã Ninh Hải, huyện Hoa Lư
6	Tổ hợp khai thác đá Hữu Lợi	25/GP-UBND ngày 30/11/2009	926/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	1.74	mỏ đá núi Lồ Đò, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
7	DNTN Gia Lương	867/QĐ-UB ngày 17/5/2005	930/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	1.40	mỏ đá núi Đồng Dậy, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
8	DNTN Quang Tinh	812/QĐ-UB ngày 10/5/2005	931/QĐ-UBND ngày 9/9/2015	1.67	mỏ đá núi Gió Mây - Đầu Trăn, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
9	DNXD Xuân Trường	39/QĐ-UBND ngày 4/1/2007	1070/QĐ-UBND ngày 9/10/2015	0.73	mỏ đá núi Rừng, xã Gia Minh, huyện Gia Viễn
10	DNTN Đinh Văn Cáp	464/QĐ-UBND ngày 13/2/2007	1071/QĐ-UBND ngày 9/10/2015	2.00	mỏ đá núi Thung Trứng - Đù Đin, xã Thượng Hòa, huyện Nho Quan



PHỤ LỤC SỐ 4  
**DANH MỤC CÁC KHU VỰC, ĐIỂM, TUYẾN CẤM HOẠT ĐỘNG KHOÁNG SẢN  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH NINH BÌNH**

Danh mục 9c/ khu vực cấm hoạt động khoáng sản:

1- Rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên		Diện tích cấm HĐKS (ha)
1.1	<b>Huyện Nho Quan</b>	
1	Vườn Quốc gia Cúc Phương	11 889
2	Rừng phòng hộ xã Cúc Phương, Kỳ Phú-2	61
3	Rừng phòng hộ xã Gia Lâm, Gia Tường -1	20
4	Rừng phòng hộ xã Gia Tường -1	8
5	Rừng phòng hộ xã Gia Tường, Thạch Bình -2	37
6	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú -1	333
7	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Cúc Phương -2	56
8	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Phú Long -3	322
9	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-4	66
10	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-5	114
11	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-6	58
12	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-7	35
13	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-8	29
14	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Phú Long-9	42
15	Rừng phòng hộ xã Phú Long-1	40
16	Rừng phòng hộ xã Phú Long-2	172
17	Rừng phòng hộ xã Phú Long-3	42
18	Rừng phòng hộ xã Phú Long, Quảng Lạc-4	200

19	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -1	72
20	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -2	19
21	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -3	50
22	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -4	28
23	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -5	11
24	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -6	3
25	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -7	3
26	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -8	5
27	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -9	48
28	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình, Phú Sơn -10	76
29	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ-1	133
30	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ-2	46
31	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ, Gia Lâm, Gia Sơn-3	191
32	Khu công viên động vật hoang dã Quốc Gia	1 152
<b>1.2</b>	<b>Thành phố Tam Điệp</b>	
33	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 2	26
34	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3A	9
35	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3B	10
36	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3C	7
37	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 4	9
38	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 5	15
39	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 6	34
40	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 7	8
41	Rừng phòng hộ xã Yên Sơn - 1	53
42	Rừng phòng hộ xã Yên Sơn - 2	5
43	Rừng phòng hộ phường Tân Bình	3
<b>1.3</b>	<b>Huyện Yên Mô</b>	
44	Rừng phòng hộ xã Yên Đổng	682



<b>Huyện Kim Sơn</b>		
	Rừng phòng hộ ven biển Kim Sơn	1208
	<b>khu công nghiệp</b>	<b>Diện tích cấm HĐKS (ha)</b>
	Khu công nghiệp Gián Khâu I	162
47	Khu công nghiệp Gián Khâu II	100
48	Khu công nghiệp Phúc Sơn	145
49	Khu công nghiệp Khánh Phú	351
50	Khu công nghiệp Khánh Cư	67
51	Khu công nghiệp Tam Điệp I	64
52	Khu công nghiệp Tam Điệp II	386
53	Khu công nghiệp Kim Sơn	200

<b>3. Hồ thủy lợi</b>		<b>Diện tích cấm HĐKS (m<sup>2</sup>)</b>
<b>3.1</b>	<b>Huyện Nho Quan</b>	
54	Đập thủy lợi Bai Dung, thôn Đám Rừng, xã Thạch Bình	150 000
55	Hồ thủy lợi Bãi Lóng, thôn Bãi Lóng, xã Thạch Bình	40 650
56	Hồ thủy lợi Luông Giang, thôn Đồi Ngọc, xã Thạch Bình	25 480
57	Hồ thủy lợi Đám Bông, thôn Đồi Ngọc, xã Thạch Bình	13 940
58	Hồ thủy lợi Vườn Cà, thôn Tiên Phong, xã Thạch Bình	87 940
59	Hồ thủy lợi Thạch La, thôn Thạch La, xã Thạch Bình	97 720
60	Hồ thủy lợi Đám Mồ, thôn Vệ Chùa, xã Thạch Bình	18 580
61	Hồ thủy lợi Trổ Lưỡi, thôn Vệ Đình, xã Thạch Bình	27 390
62	Hồ thủy lợi Thác La, thôn Đám Bông, xã Thạch Bình	4 400
63	Hồ thủy lợi Hoa Vàng, thôn 4, xã Giá Lâm	86 370
64	Hồ thủy lợi Gạt Lũ, thôn 4, xã Giá Lâm	106 000

65	Hồ thủy lợi Bà Thức, thôn Đức Thành, xã Xích Thổ	20 360
66	Hồ thủy lợi Rộc Đom, thôn Đức Thành, xã Xích Thổ	28 390
67	Hồ thủy lợi Rộc Thiệp, thôn Hồng Quang, xã Xích Thổ	4 170
68	Hồ thủy lợi Ông Thiệu, thôn Hùng Sơn, xã Xích Thổ	98 300
69	Hồ thủy lợi Sóc Héo, thôn Đông Minh, xã Gia Sơn	33 860
70	Hồ thủy lợi Vườn Điều, thôn Hạnh Phúc, xã Gia Sơn	375 300
71	Hồ Yên Quang 1, thôn Yên Ninh, xã Yên Quang	621 000
72	Hồ Yên Quang 2, thôn Yên Ninh, xã Yên Quang	661 500
73	Hồ Yên Quang 3, thôn Yên Thủy, xã Yên Quang	1 167 000
74	Hồ Yên Quang 4, thôn Tiên Phương 2, xã Văn Phương	456 100
75	Hồ Bãi Cà (Xuân Viên), thôn Xuân Phương (Bồng Lai), xã Văn Phương	11 830
76	Hồ Bồng Lai, thôn Xuân Phương (Bồng Lai), xã Văn Phương	37 670
77	Hồ thủy lợi Hang Trăn, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	117 400
78	Hồ thủy lợi Nước Rô, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	248 800
79	Hồ thủy lợi Thường Sung, thôn Sào Lâm, xã Văn Phú	375 300
80	Hồ thủy lợi Đầm Láo, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	62 400
81	Hồ thủy lợi Mắt Rồng, thôn 6, xã Phú Long	18 150
82	Hồ thủy lợi Đá Lái, thôn Vện, xã Phú Long	568 900
83	Hồ Bai Phù, bản Sấm, xã Kỳ Phú	22 710
84	Hồ Ao Lươn, bản Ao Lươn, xã Kỳ Phú	10 510
85	Hồ làng Cá, bản Bai Cà, xã Kỳ Phú	33 020
86	Hồ Sông Xanh, thôn Đồng Tâm, xã Sơn Hà	40 810
87	Hồ Trung Cấp, thôn Trung Thành, xã Sơn Hà	5 197
88	Hồ thủy lợi Ông Chiêu, thôn Đông Bái, xã Quảng Lạc	11 730
<b>3.2</b>	<b>Thành phố Tam Điệp</b>	
89	Hồ Bồng, hồ Lý, hồ Mang Cá	86 367
90	Hồ Sông Cầu, hồ Trại Vòng	162 040





4. Dự lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh		Diện tích cấm HĐKS (ha)
92	Quản thẻ danh thắng Tràng An	12 252
93	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	3 606
93	Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Chương	411
94	Khu du lịch sinh thái hồ Yên Thắng	592
95	Khu du lịch hồ Đồng Đền - Đồng Thái	156
96	Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái, núi con lợn, núi giải cờ, núi ba ngọn	1 181

## II. Danh mục 488 điểm cấm hoạt động khoáng sản:

### 1. Danh mục 92 điểm an ninh, quốc phòng:

STT	Khu vực (xã) cao điểm	Diện tích m <sup>2</sup>	Đặc điểm
1.1	<b>Huyện Nho Quan</b>	<b>18 575 566</b>	
1	Nho Quan, Gia Lâm	500 000	Thuộc điểm cao 182 (hang La)
2	Nho Quan, TT Nho Quan	500 000	TT Nho Quan
3	Nho Quan, Lạc Vân	500 000	Thuộc điểm cao 104
4	Nho Quan, Đức Long	700 000	Thuộc điểm cao 124
5	Nho Quan, Kỳ Phú, Đồng Trạo	200 000	Điểm cao 285
6	Nho Quan, Phú Long	1 400 000	Điểm cao 222 (Phú Hữu)
7	Nho Quan, Phú Long	1 000 000	Khu vực Đốc Giang
8	Gia Lâm/ Nho Quan	30 000	Rừng núi
9	Gia Sơn/ Nho Quan	40 000	Rừng núi

10	Phú Lộc/Nho Quan	30 000	Rừng núi
11	Nho Quan, Thạch Bình	5 000 000	Điểm cao 75 (xóm Ngọc), Bắc trụ sở UBND xã Thạch Bình 1 km
12	Nho Quan, Đức Long, Bến Đê	200 000	Trục TL 447
13	Nho Quan, Văn Phong, Thương Đông	400 000	Phía Đông cách QL 12B 1,5km, phía Tây cách đường liên xã 1km
14	Nho Quan, Kỳ Phú, Núi đá Bạch	800 000	Phía Bắc cách đường 479 = 2km
15	Nho Quan, Phú Long điểm cao 165,142	1 000 000	Phía Đông cách QL12B 2km phía tây bắc cách QL45=2km
16	Nho Quan, Cúc Phương	5 000 000	Điểm cao 309 (Bãi Dốc)
17	Nho Quan, Xích Thổ	1 000 000	Thuộc điểm cao 247
18	Nho Quan, Phú Sơn	270 141	
19	Nho Quan, Gia Lâm	1 140	Hang Na
20	Nho Quan, Gia Sơn	3 285	Hang Động
21	Nho Quan, Quảng Lạc	400	Hang Đá Voi
22	Nho Quan, Gia Tường	600	Hang Dằm
23	3A - 468		Mộc hình trụ 18x18cm trên đỉnh núi Chùa xã Phú Sơn
24	232 - A		Hình vuông 20x20cm trên đỉnh núi Đới xã Lạc Vân
25	265 - A		Hình vuông 20x20cm trên đỉnh điểm cao 152 xã Kỳ Phú
26	B - 44		Hình trụ 20x20cm đỉnh núi Voi xã Yên Quang
27	A01		Hình trụ 20x20cm đỉnh núi Bạch xã Kỳ Phú
28	230 - A		Hình trụ vuông đỉnh núi Cao xã Văn Phú
<b>1.2</b>	<b>Huyện Gia Viễn</b>	<b>1 711 762</b>	
29	Gia Viễn, Gia Vượng	500 000	Thuộc điểm cao 65 (Bồ Đình)
30	Gia Viễn, Ngã ba Gián Khẩu	700 000	Ngã 3 trên trục QL 1
31	Gia Viễn, Gia Hòa, Điểm cao 323	500 000	Phía Đông cách QL 1A 4,5km; Phía Nam cách TL 447= 3,5km
32	Gia Viễn, Gia Vượng	11 062	Núi hang cá



33	Gia Viễn, Gia Minh	650	Dự kiến xin mới
34	Gia Viễn, Gia Xuân	50	Đường Hầm
35	3A - 548		Hình vuông 15x15cm đỉnh đôi Không Tên xã Liên Sơn
<b>1.3</b>	<b>Huyện Hoa Lư</b>	<b>1 172 001</b>	
36	Hoa Lư, Thị trấn Thiên Tôn	900 000	Thuộc điểm cao 114
37	Hoa Lư, Ninh Mỹ	270 141	Núi Ngang
38	Hoa Lư, Ninh Vân	1 860	Hang Cây Thị
39	P01 - 05		Hình vuông 20x20cm Núi Quyện TT Thiên Tôn
40	14A - 02		Núi Quận - TT Thiên Tôn
<b>1.4</b>	<b>Thành phố Tam Điệp</b>	<b>2 611 932</b>	
41	TP Tam Điệp, Bắc Sơn	400 000	Thuộc điểm cao 192 đôi Dài
42	TP Tam Điệp, Trung Sơn	300 000	Thuộc điểm cao 76
43	TP Tam Điệp, Quang Sơn	1 000 000	Đội Hang nước
44	TP Tam Điệp, Nam Sơn	800 000	Ga Đồng Giao
45	TP Tam Điệp, Đông Sơn	43 175	Núi Mai
46	TP Tam Điệp, Trung Sơn	18 750	Núi Bán
47	TP Tam Điệp, Yên Bình	50 000	Đôi Dài
48	TP Tam Điệp, Yên Bình	7	Núi Ga
49	172 - A		Hình vuông 20x20cm núi Trại Bò
50	3A - 342		Hình vuông 20x20cm chính giữa đôi Dài P. Yên Bình
51	3A - 326		Hình vuông 20x20cm đỉnh đôi Mơ xã Yên Sơn
<b>1.5</b>	<b>TP Ninh Bình</b>	<b>800 000</b>	
52	TP Ninh Bình, Ngã tư Cầu Lim	200 000	Ngã tư QL1A, TPNB
53	TP Ninh Bình, Núi cánh Diều	300 000	Khu vực nhà máy điện NB
54	TP Ninh Bình, Ninh Sơn	300 000	TĐ Pháo Phương Đình
55	P01 - 04		Hình vuông 20x20cm phía Bắc đỉnh núi Cánh Diều P. Bích Đào
56	P40-223A		Hình vuông 20x20cm trên đỉnh núi Bạt xã Ninh Nhất

57	P5 -241A		Hình vuông 20x20cm đỉnh núi Vàng xã Ninh Tiến
58	P6-2153		Hình vuông 20x20cm phía Đông đỉnh núi Siêu P. Ninh Khánh
<b>1.6</b>	<b>Huyện Yên Mô</b>	<b>750 702</b>	
59	Yên Mô, Mai Sơn	300 000	Ngã ba Bình Sơn
60	Yên Mô, Yên Thành	400 000	Núi chùa Hang
61	Yên Thành/ Yên Mô	20 000	Rừng núi
62	Yên Mạc/ Yên Mô	30 000	Rừng núi
63	Yên Mô, Lai Thành	266	Hang Ngõ
64	Yên Mô, Yên Thành	180	Hang Trường Đàng
65	Yên Mô, Yên Thành	126	Hang Người
66	Yên Mô, Yên Thành	130	Hang Luồn
67	405		Hình vuông 20x20cm đỉnh núi Hang Bồng xóm Tiên xã Yên Thành
68	169A		Hình vuông 20x20cm mỏm cao đỉnh núi Phượng xã Yên Thắng
69	168A		Hình vuông 20x20cm đỉnh núi Sâu, Nam điểm cao 38.9
70	174 - A		Hình vuông 20x20cm đỉnh núi Mã Tiên xã Yên Đồng
<b>1.7</b>	<b>Huyện Yên Khánh</b>	<b>2 300 000</b>	
71	Yên Khánh, Ngã Ba Thông	300 000	Ngã 3, QL 10, xã Khánh Cư
72	Yên Khánh, Khánh Nhạc	1 500 000	Đông Bắc cách TL481 c1, 2km
73	Yên Khánh, Ngã tư Khánh Nhạc	500 000	Ngã 4, QL 10, xã Khánh Nhạc
<b>1.8</b>	<b>Huyện Kim Sơn</b>	<b>24 350 000</b>	
74	Kim Sơn, Xuân Thiện	1 000 000	Khu dân cư và đất 2 lúa
75	Kim Sơn, Ngã 3 Quy Hậu	400 000	Ngã 3, QL 10
76	Kim Sơn, ngã 3 Lai Thành	300 000	Ngã 3, QL 10
77	Kim Sơn, Lai Thành	1 500 000	Thuộc điểm cao 121
78	Kim Sơn, Kim Đài	250 000	Ngã 3 Cửa Đáy
79	Kim Sơn, Văn Hải	400 000	Khu dân cư và đất 2 lúa
80	Kim Sơn, Kim Tào	1 000 000	Khu dân cư và đất 2 lúa



	Kim Sơn, Nông trường Bình Minh	700 000	Khu dân cư và đất 2 lúa
	Kim Sơn, Cửa Càn	1 000 000	Cửa sông
	Kim Sơn, TT Bình Minh	500 000	Khu dân cư và đất 2 lúa
* 84	Kim Sơn, Cửa Đáy	1 000 000	Cửa sông
85	Kim Sơn, Nông trường Bình Minh	700 000	Địa hình có giá trị chiến thuật
86	Kim Sơn, Cửa Càn	1 300 000	Cửa sông có giá trị chiến thuật
87	Kim Sơn, Đê Bình Minh 2	800 000	Địa hình có giá trị chiến thuật
88	Kim Sơn, Cửa Đáy	1 500 000	Địa hình có giá trị chiến thuật
89	Kim Sơn, Định Hóa	1 000 000	Khu dân cư xen kẽ đất 2 lúa
90	Kim Sơn, Cồn Nổi	5 000 000	Cồn nổi cách đê Bình Minh = 7km
91	Kim Sơn, Cồn Nổi	6 000 000	Cồn nổi cách đê Bình Minh 3 = 1km
92	A - 182 - A		Hình vuông 20x20cm đỉnh Lô cốt núi Lai Thành

## 2. Danh mục 387 di tích lịch sử, văn hóa:

2.1	Thành phố Ninh Bình		
STT	Số hiệu di tích	Tên di tích cấp HDKS	Diện tích (m <sup>2</sup> )
93	Np1	Chùa A Nậu, phố Bình Khang, phường Ninh Khánh	436
94	Np2	Chùa Mía, phố Hưng Phúc, phường Ninh Khánh	657
95	Np3	Đình Cam Giá, phố Khánh Tân, phường Ninh Khánh	416
96	Np4	Đền Bình Yên, phố Bình Yên, phường Ninh Khánh	522
97	Np40	Núi Đồng Cầm, phường Ninh Khánh	3 200

98	Np41	Núi Chùa Sêu, phường Ninh Khánh	74 700
99	Np5	Chùa Hưng Long Tự, thôn thượng Bắc, xã Ninh Nhất	434
100	Np6	nhà thờ Nguyễn Tự Dự, thôn Đê Lộc, xã Ninh Nhất	545
101	Np7	nhà thờ Danh nhân Nguyễn Tử Mẫn, thôn thượng Bắc, xã Ninh Nhất	633
102	Np8	Đền đức thánh cả Đô Thiên, thôn Đê Lộc, xã Ninh Nhất	542
103	Np9	Nhà thờ Nguyễn Tử Tương, thôn Đê Lộc, xã Ninh Nhất	468
104	Np10	Nhà thờ Phó đô úy Lê Trọng Tiêu, thôn Tiên, xã Ninh Nhất	273
105	Np11	Đền thờ Quý Minh Đại Vương và hang Đền, thôn Đê Lộc, xã Ninh Nhất	864
106	Np12	Chùa Đức Mẫu, thôn Đê Lộc, xã Ninh Nhất	644
107	Np13	Hồ Con Rùa, thôn Xích Duệ, xã Ninh Nhất	14 809
108	Np14	Hồ Núi Lở, thôn Kỳ Vĩ, xã Ninh Nhất	21 422
109	Np15	Chùa Đầu Long, phố Tân Thành, p Tân Thành	943
110	Np42	Núi Kỳ Lân, phường Tân Thành	2 100
111	Np16	Đền Hạ, phố Phúc Chính, phường Nam Thành	326
112	Np17	Đền Phủ Vống, phố Phúc Tri, phường Nam Thành	787
113	Np18	Nhà thờ xứ Ninh Bình, đường Hoàng Hoa Thám, phường Thanh Bình	1 589
114	Np19	Đền Văn Thị, đường Lý Thái Tổ, phường Thanh Bình	329
115	Np20	Đền thờ Trương Hán Siêu, phường Thanh Bình	433



116	Np21	chùa Non Nước, phường Thanh Bình	436
117	Np22	Núi Non Nước, phường Thanh Bình	3 500
118	Np23	Nhà Máy Nhiệt Điện, phường Thanh Bình	4 233
119	Np24	Đền đức thánh cả Đô Thiên, phường Thanh Bình	634
120	Np25	Núi Cánh Diều, phường Thanh Bình	98 500
121	Np43	Núi Dục Thúy Sơn, phường Thanh Bình	3 400
122	Np26	Chùa Bích Đào, đường Nguyễn Công Trứ, phường Bích Đào	264
123	Np27	Đền Đông Thịnh, phố Đông Hồ, phường Bích Đào	355
124	Np28	Đền Phúc Khánh, phố Phúc Khánh, phường Ninh Sơn	336
125	Np29	Đền Phương Đình, phố Phương Đình, phường Ninh Sơn	765
126	Np30	Đền Thượng, phố Hợp Thiện, phường Ninh Sơn	354
127	Np31	Nhà thờ quận công Phạm Đức Thành, phố Trại Lộc, phường Nam Bình	342
128	Np32	Đền làng Phúc Lộc, thôn Đa Lộc, xã Ninh Phong	246
129	Np33	Nhà thờ hàn lâm viện Nguyễn Đức Tâm, thôn Đa Lập, phường Ninh Phong	643
130	Np34	Nhà thờ Lê Đạo Trung, phố Phúc Lộc, phường Ninh Phong	433
131	Np35	Nhà thờ đô chỉ huy Vũ Khắc Duệ, ngách 35/178 Hai Bà Trưng, phường Ninh Phong	436
132	Np36	Nhà thờ đô chỉ huy Phạm Phúc Lâm, đường	325

		Hai Bà Trưng, phường Ninh Phong	
133	Np37	Chùa Yên Khoái Thượng, thôn Khoái Thượng, xã Ninh Phúc	435
134	Np38	Nhà thờ Trịnh Tôn Bất thôn Đoài Hạ, thôn Đoài Hạ, xã Ninh Phúc	455
135	Np39	Nhà thờ Lã Phương Xuân, thôn Đoài Hạ, xã Ninh Phúc	632
<b>2.2</b>	<b>Thành phố Tam Điệp</b>		
136	Tp1	Chùa Lý Nhân, thôn Lý Nhân, xã Yên Bình	4 154
137	Tp2	Đình Quang Hiến, Tổ dân phố 12, phường Tân Bình	534
138	Tp3	Chùa và đền Quang Sơn, thôn Tân Thượng, xã Quang Sơn	744
139	Tp4	Khu phòng tuyến Tam Điệp - Biện Sơn, đường Thiên Lý, phường Nam Sơn	14 300 000
140	Tp5	Đền Dâu, đường Quang Trung, phường Nam Sơn	542
141	Tp6	Đền Quán Cháo, tổ dân phố 2, phường Tây Sơn	534
142	Tp7	Đền Chúa Bạch (Đền hạ), tổ dân phố 7, phường Tây Sơn	323
143	Tp8	Đền Báo Sơn, khu 4C, xã Đông Sơn	647
144	Tp25	Núi Hầu Vua, xã Đông Sơn	9 100
145	Tp10	Chùa Trung Sơn, phường Trung Sơn	867
146	Tp26	Núi Vương Ngự, phường Trung Sơn	9 100
147	Tp27	Núi Vàng lớn - Vàng con, phường Trung Sơn, Đông Sơn	248 800
148	Tp28	Núi hang Mát, xã Yên Sơn	45 601
<b>2.3</b>	<b>Huyện Nho Quan</b>		





149	N1	Đình, chùa Hữu Thường, thôn Hữu Thường, xã Thượng Hòa	3 030
150	N2	Đình, Chùa Vân Trinh, thôn Vân Trinh, xã Thượng Hòa	4 905
*151	N3	Đình Yên Chí, thôn Yên Chí, xã Thượng Hòa	1 190
152	N4	Đình, Chùa Vân Trung, thôn Vân Trung, xã Thượng Hòa	1 440
153	N112	Núi chùa Hang, Động Vân Trinh, xã Thượng Hòa	331 300
154	N5	Chùa Mỹ (Chùa Thanh Lộc), thôn Tân Thành, xã Văn Phú	531
155	N6	Chùa Nang, Làng Nang, xã Văn Phú	325
156	N7	Đình Làng Lão Cầu, thôn Đồng Ân, xã Văn Phú	428
157	N8	Chùa Đám Sơn Tự, thôn Lão Cầu, xã Văn Phú	571
158	N9	Chùa Phú Linh, thôn Phú Linh, xã Văn Phú	1 043
159	N10	Đình Làng Bái, thôn 13, xã Sơn Thành	691
160	N11	Đình Ác, thôn 12, xã Sơn Thành	569
161	N12	Đền Sậy, thôn 4, xã Sơn Thành	784
162	N14	DTLSCM Thung Lóng, thôn 7, xã Phú Long	1 046 000
163	N16	Đình, Chùa Làng Quỳnh, thôn Hợp Tiến 2, xã Quỳnh Lưu	1 320
164	N20	Chùa Xuân Quang, thôn Sái, xã Quỳnh Lưu	551
165	N21	Phủ Sông Xanh, thôn Xanh, xã Quỳnh Lưu	864
166	N22	Đình Đồi Khoai, thôn Khoai, xã Quỳnh Lưu	524
167	N23	Đình Lai Các, thôn Lai Các, xã Quỳnh Lưu	325
168	N108	Khu Đồi Sơn, xã Quỳnh Lưu	543 000
169	N109	Khu Đồi Sòng, đồi Riêng, Hang Tiên, xã	604 100

		Quỳnh Lưu	
170	N110	Khu vườn Hồ Đồi Phở Chùa, xã Quỳnh Lưu	578 590
171	N25	Chùa Hồng An, thôn Yên Phú, xã Yên Quang	642
172	N26	Đình Bông, thôn Yên Ninh, xã Yên Quang	457
173	N27	Đình Bông, thôn Yên Mỹ, xã Yên Quang	842
174	N28	Đình Lá, thôn Yên Sơn, Yên Thủy, xã Yên Quang	513
175	N29	Nhà thờ họ giáo Đồi Bò, thôn Đồi Bò, xã Thạch Bình	1 275
176	N30	Giáo xứ Lạc Bình, thôn Lạc Bình, xã Thạch Bình	1 386
177	N31	Chùa Quang Hoa, thôn Vệ Chùa, xã Thạch Bình	695
178	N32	Đình Vệ Đình, thôn Vệ Đình, xã Thạch Bình	352
179	N33	Đình Quảng Mão, thôn Quảng Mão, xã Thạch Bình	536
180	N34	Đình Đám Bông, thôn Đám Bông, xã Thạch Bình	426
181	N35	Phủ Châu Sơn, thôn 1, xã Phú Sơn	312
182	N36	Đền Bến Than, thôn 2, xã Phú Sơn	238
183	N37	Miếu Đông, thôn 3, xã Phú Sơn	180
184	N38	Đền Địa La, thôn 4, xã Phú Sơn	183
185	N39	Đàn Viện Xi Tồ, thôn 6, xã Phú Sơn	1 587
186	N40	Chùa Hồng An, phường Phong Lạc, TT Nho Quan	2 450
187	N41	Hồ Lâm Linh Tự, phường Phong Lạc, TT Nho Quan	346
188	N42	Đình Đồng Đình, thôn Đồng Đình, xã Lạng	325



		Phong	
	N43	Chùa Đông Đình, thôn Đông Đình, xã Lạng Phong	438
	N44	Đình Đá Thượng, thôn Đá Thượng, xã Lạng Phong	235
191	N45	Đình Tân Phong, thôn Sào Thượng, xã Lạng Phong	452
192	N46	Đình Vạn, thôn Sào Thượng, xã Lạng Phong	417
193	N47	Nhà bia tưởng niệm HCM, thôn Sào Thượng, xã Lạng Phong	328
194	N48	Đình Làng Ngải, thôn Ngải, xã Văn Phong	231
195	N49	Đình Chòm, thôn Cầu Mơ, xã Văn Phong	243
196	N50	Chùa Yên Thị, thôn Trung Đông, xã Văn Phong	362
197	N51	Chùa Kho, thôn Kho, xã Phú Lộc	3 710
198	N52	Đình làng Kho, thôn Kho, xã Phú Lộc	3 200
199	N53	Đình Hương Thịnh, thôn Thống Nhất, xã Phú Lộc	1 145
200	N54	Đình làng Bái Ngọc, thôn Bái Ngọc, xã Phú Lộc	2 115
201	N65	Đình Thanh Mai, thôn Mai Xuân, xã Thanh Lạc	435
202	N66	Đình Mèn, thôn Mèn, xã Thanh Lạc	342
203	N67	Đình Lược, thôn Lược, xã Thanh Lạc	522
204	N68	Đình Trên, thôn Thượng, xã Thanh Lạc	415
205	N69	Chùa Duy Khánh, thôn Làng, xã Thanh Lạc	612
206	N70	Đình Hàng Xá, thôn Làng, xã Thanh Lạc	426
207	N71	Bến Đé, thôn Nho Phong, xã Đức Long	100 000

208	N72	Chùa Phú Nhiêu, thôn Phú Thịnh, xã Đức Long	324
209	N73	Chùa Liêm Thượng, thôn Đài Hoa, xã Xích Thổ	574
210	N74	Đình Mai, thôn Nga Mai, xã Gia Sơn	346
211	N75	Chùa Mơ, thôn Quang Trường, xã Gia Sơn	323
212	N76	Nhà thờ xứ Vô Hốt, thôn Bình An, xã Lạc Vân	7 500
213	N77	Đền Vô Hốt, thôn 2, xã Lạc Vân	270
214	N78	Đền Văn Chỉ, thôn 1, xã Lạc Vân	610
215	N79	Đình Làng Vô Hốt, thôn 2, xã Lạc Vân	11 664
216	N80	Chùa Am, thôn 4, xã Lạc Vân	2 560
217	N81	Phủ Quèn Hốt, thôn 1, xã Lạc Vân	5 800
218	N82	Đình và Chùa Hiền Quan, thôn Hiền Quan, xã Lạc Vân	2 320
219	N83	Phủ Cẩm Địa, thôn Cẩm Địa, xã Lạc Vân	880
220	N84	Đình và chùa Cẩm Địa, thôn Cẩm Địa, xã Lạc Vân	1 230
221	N85	Nhà thờ Tứ Mỹ, thôn Tứ Mỹ, xã Lạc Vân	3 330
222	N86	Chùa Phú Thượng Lạc, thôn Lạc 1, xã Lạc Vân	3 500
223	N87	Đình Mỹ Hạ, thôn Chùa, xã Gia Thủy	634
224	N88	Khu vực hồ Đập Trời, núi Vá, xã Quảng Lạc	2 585 100
225	N111	Núi và chùa Vô Hốt, xã Lạc Vân	203 900
2.4	<b>Huyện Gia Viễn</b>		
226	G1	Nhà thờ xứ Giang Sơn, Diêm Khê, xã Gia Trung	4 523
227	G2	Nhà thờ xứ Trung Đông, thôn Trung Đông, xã Gia Trung	5 623
228	G3	Đình làng Trung Đông, thôn Trung Đông, xã Gia Trung	536



229	G4	Đình Mẫu, thôn Chi Phong, xã Gia Trung	643
230	G5	Đình Đông Khê, thôn Đông Khê, xã Gia Trung	728
231	G6	Đình An Thái, thôn An Thái, xã Gia Trung	482
232	G7	Đình Đức Hậu, thôn Đức Hậu, xã Gia Trung	623
233	G8	Đình Hoàng Long, thôn Hoàng Long, xã Gia Trung	537
234	G9	Chùa Hạ, thôn Chân Hưng, xã Gia Trung	795
235	G10	Đình Làng Chính Đồn, thôn Chính Đồn, xã Gia Minh	534
236	G11	Chùa Phúc Hưng, thôn Chính Đồn, xã Gia Minh	229
237	G12	Chùa Địa La Tự (Chùa Đoan Bình), thôn Đoan Bình, xã Gia Phú	530
238	G13	Đình, chùa Ngô Đồng, thôn Đồi, xã Gia Phú	744
239	G14	Đình Kính Chúc, thôn Kính Chúc, xã Gia Phú	475
240	G15	Đình Thượng, thôn Thượng, xã Gia Phú	543
241	G16	Đình Làng Đoan Bình, thôn Đoan Bình, xã Gia Phú	622
242	G17	Miếu Làng, thôn Làng, xã Gia Phú	252
243	G18	Đền và chùa Me, phố Me, thị trấn Me	854
244	G19	Chùa Quỳnh Vân, thôn 2 Bồ Đình, xã Gia Vượng	563
245	G20	Đình Bồ Đình, thôn 2 Bồ Đình, xã Gia Vượng	455
246	G21	Nhà thờ họ giáo, thôn 1 Bồ Đình, xã Gia Vượng	1 236
247	G23	Đình Trai, xóm 9, xã Gia Hưng	202
248	G24	Chùa Hưng Quốc, xóm 9, xã Gia Hưng	684
249	G25	Chùa Linh Viên, xóm 3, xã Gia Hưng	1 220

250	G28	Đình Thượng, xóm 3, xã Gia Hưng	275
251	G31	Đền thờ Vua Đinh Tiên Hoàng, thôn Văn Bông, xã Gia Phương	549
252	G32	Đền thờ Nguyễn Bặc, thôn Vĩnh Linh, xã Gia Phương	574
253	G33	Chùa Long Hưng, thôn Vĩnh Linh, xã Gia Phương	956
254	G34	Nhà thờ giáo xứ Đồng Trưa, thôn Đồng Trưa, xã Gia Thịnh	1 425
255	G36	Đình, chùa Liên Huy, thôn Liên Huy, xã Gia Thịnh	754
256	G37	Đình Tịnh Phú, thôn Tịnh Phú, xã Gia Thịnh	352
257	G39	Đình Bình Khang, thôn 9, xã Liên Sơn	786
258	G97	Đôi Thông, xã Liên Sơn	257 300
259	G40	Đình Vân Thị, thôn Vân Thị, xã Gia Tân	414
260	G41	Đình Trùng Thượng, thôn Tùy Hối, xã Gia Tân	874
261	G42	Chùa Thiên Hối, thôn Thiên Hối, xã Gia Tân	599
262	G43	Đền nhà Bà thôn Tùy Hối, thôn Tùy Hối, xã Gia Tân	542
263	G44	Đình Trung Hạ, thôn Tùy Hối, xã Gia Tân	723
264	G45	Đình Núi Thiện, thôn Thần Thiệu, xã Gia Tân	534
265	G98	Núi Thần Thiệu, thôn Thần Thiệu, xã Gia Tân	46 000
266	G46	Chùa Đại Bi, thôn Đồng Xuân, xã Gia Xuân	740
267	G47	Đình làng Đồng Xuân, thôn Đồng Xuân, xã Gia Xuân	2 075
268	G48	Nhà thờ Mưỡu Giáp, thôn Mưỡu Giáp, xã Gia Xuân	6 180
269	G49	Chùa và động Dịch Lộ, xóm 4, Phương	89 000



		Đông, xã Gia Thanh	
270	G50	Đình Hàng Cơm, xóm 4, Thượng Hòa, xã Gia Thanh	844
271	G51	Chùa Hưng Long, xóm 2, Thượng Hòa, xã Gia Thanh	523
272	G52	Đền Cổ Hạc, xóm 3, Thượng Hòa, xã Gia Thanh	887
273	G53	Khu vực núi Kiểm Lĩnh, thôn Đại Quang, xã Gia Tiên	670
274	G54	Chùa Đại Khả, thôn Khả Nam, xã Gia Tiên	642
275	G55	Đền Thánh Nguyễn, thôn Giao Thăng, xã Gia Tiên	564
276	G56	Nhà thờ Nguyễn Huyền Huy, thôn Hán Nam, xã Gia Tiên	455
277	G99	Núi Cầm Gươm, xã Gia Tiên	45 000
278	G57	Chùa Lộc Lương, thôn Lộc Lương, xã Gia Hòa	634
279	G58	Đình và chùa Giá Thượng, thôn Giá Thương, xã Gia Hòa	566
280	G59	Nhà thờ Cầu Vàng, thôn Cầu Vàng, xã Gia Hòa	1 223
281	G60	Chùa Sấn (Lân sơn tự), thôn 25, xã Gia Hòa	435
282	G62	Chùa Phúc Long, thôn An Ninh, xã Gia Hòa	614
283	G63	Đình Phù Long, thôn Phù Long, xã Gia Vân	363
284	G64	Chùa Phù Long, thôn Phù Long, xã Gia Vân	634
285	G65	Đền, chùa Mai Trung, thôn Mai Trung, xã Gia Vân	665
286	G66	Đình, đền, chùa Tập Ninh, thôn Tập Ninh, xã Gia Vân	864
287	G67	Nhà thờ Lê Phúc Đạt, thôn Bích Sơn, xã Gia Vân	324

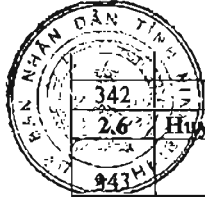
288	G68	Nhà thờ họ Lê Khả Lãng, thôn trung Hòa, xã Gia Vân	314
289	G69	Nhà thờ Trần Trương Dật, thôn Bích Sơn, xã Gia Vân	235
290	G70	Đình Ngọc Thượng, xóm 4, Ngọc Động, xã Gia Phong	456
291	G71	Đình (phù) Tiếp Long, xóm 1, Ngọc Động, xã Gia Phong	324
292	G72	Nhà thờ giáo xứ Hữu Nghĩa, xóm 1, Ngọc Động, xã Gia Phong	1 568
293	G73	Nhà thờ giáo xứ Phong Tĩnh, thôn Phong Tĩnh, xã Gia Phong	1 423
294	G74	Chùa Chính Dương, xóm 3, Ngọc Động, xã Gia Phong	467
295	G75	Đình làng Doanh Động, xóm 2, Ngọc Động, xã Gia Phong	523
296	G76	Nhà thờ Đình Huy Đạo, xóm 2, Ngọc Động, xã Gia Phong	523
297	G77	Chùa Lỗi Sơn, xóm 2, Lỗi Sơn, xã Gia Phong	853
298	G78	Đền Vô làng Lỗi Sơn, xóm 1, Lỗi Sơn, xã Gia Phong	545
299	G79	Đình Nam, thôn Nam Ninh, xã Gia Lạc	623
300	G80	Đình Đông, thôn Đông Thăng, xã Gia Lạc	1 562
301	G81	Nhà thờ giáo Lạc Tân, thôn Nam Ninh, xã Gia Lạc	1 538
302	G82	Núi Chùa Lạc Khoái, thôn Nam Ninh, xã Gia Lạc	32 300
303	G83	Đình làng Lăng Ngoại, thôn Lăng Ngoại, xã	756





		Gia Lập	
304	G84	Chùa Xuân Đài, thôn Xuân Đài, xã Gia Lập	854
305	G85	Cụm di tích đền, chùa và cầu Sào Long, thôn Sào Long, xã Gia Lập	1 251
306	G89	Chùa Lê (Núi Lê), xóm 1, xã Gia Sinh	1 785
307	G90	Đình làng Cung Quế, thôn 2, xã Gia Trấn	534
308	G91	Chùa Cung Quế, thôn 2, xã Gia Trấn	325
309	G92	Đình làng Vũ Nhì, thôn 5, xã Gia Trấn	434
310	G93	Chùa Vũ Nhì, thôn Linh Phong, xã Gia Trấn	745
311	G94	Miếu Quan Nghè, Gián Khâu, xã Gia Trấn	523
2.5	<b>Huyện Hoa Lư</b>		
312	H15	Nhà thờ Nguyễn Thế Trương, thôn Vinh Viên, xã Ninh Mỹ	324
313	H16	Đình Thượng, thôn Đông Đình, xã Ninh Mỹ	562
314	H17	Đền Hạ, thôn Quan Đông, xã Ninh Mỹ	427
315	H18	Chùa Ninh Mỹ, thôn Đông Đình, xã Ninh Mỹ	685
316	H19	Chùa Nhân Lý, thôn Nhân Lý, xã Ninh Mỹ	579
317	H20	Chùa Hà, thôn Vinh Viên, xã Ninh Mỹ	854
318	H21	Đền Làng Đa Giá, phố Thiên Sơn, TT Thiên Tôn	743
319	H22	Động, Chùa Thiên Tôn, phố Thiên Sơn, TT Thiên Tôn	184
320	H72	Khu bảo tồn Động Thiên Tôn, TT Thiên Tôn, xã Ninh Mỹ, Ninh Vân	2 511 800
321	H23	Đền Cả La Mai, thôn La Mai, xã Ninh Giang	3 199
322	H24	Chùa Tổ Linh, thôn La Mai, xã Ninh Giang	2 617
323	H25	Núi Chùa Phong Phú, thôn Phong Phú, xã Ninh Giang	4 628

324	H26	Núi Chùa Trung Trữ, thôn Trung Trữ, xã Ninh Giang	10 320
325	H27	Đền và Miếu Làng Bãi Trữ, thôn Bãi Trữ, xã Ninh Giang	564
326	H28	Đền Nghè, thôn La Mai, xã Ninh Giang	340
327	H29	Nhà thờ Bùi Quốc Trinh, thôn Trung Trữ, xã Ninh Giang	386
328	H30	Nhà thờ Bùi Lãng, thôn Trung Trữ, xã Ninh Giang	90
329	H31	Nhà thờ Vũ Đình Huân, thôn Bãi Trữ, xã Ninh Giang	561
330	H73	Núi Gặt, xã Ninh Giang	6 600
331	H74	Núi Dược, xã Ninh Giang	245 300
332	H32	Chùa Tập Phúc, thôn Bạch Cừ, xã Ninh Khang	645
333	H33	Đền thờ Triệu Quang Phục và Đình làng Bạch Cừ, thôn Bạch Cừ, xã Ninh Khang	434
334	H34	Chùa Phúc Hưng, thôn La Phù, xã Ninh Khang	315
335	H35	Đình làng La Phù, thôn La Phù, xã Ninh Khang	322
336	H36	Đền Đông Hội, thôn Hội, xã Ninh An	4 280
337	H37	Nhà thờ Họ Đào, xóm Rình, thôn Đông Trang, xã Ninh An	760
338	H66	đền Kê Thượng, Kê Hạ, Miếu Sơn, thôn Thượng, xã Ninh Vân	1 726
339	H67	Nhà thờ Lan Quận Công Phạm Quỳnh, thôn Vũ Xá, xã Ninh Vân	780
340	H68	Đền Thượng Xuân Vũ, thôn Xuân Thành, xã Ninh Vân	1 140
341	H69	Đền Trung Xuân Vũ, thôn Xuân Thành, xã	1 120



		Ninh Vân	
342	H75	Núi Hang Vàng, xã Ninh Vân	44 100
2.6	<b>Huyện Yên Mô</b>		
343	Y1	Đền chùa Khương Dự, thôn Khương Dự, xã Yên Phong	463
344	Y2	Đền Quảng Phúc, thôn Quảng Phúc, xã Yên Phong	733
345	Y3	Đền và chùa Hoàng Kim, thôn Hoàng Kim, xã Yên Phong	926
346	Y4	Đền Vân Mộng, thôn Vân Mộng, xã Yên Phong	716
347	Y5	Đền Hương Thị, xóm Thị, xã Yên Phong	532
348	Y6	Đền làng Phương Độ, xóm Nam Thành, xã Yên Phong	6 753
349	Y7	Chùa Đông Công và Phủ làng Quán Phúc, thôn Thượng Trại, xã Yên Phong	1 325
350	Y8	Đền Núi Thọ Bình, thôn Thọ Bình, xã Yên Phong	558
351	Y9	Chùa Cổ Linh, thôn Yên Thượng, xã Khánh Thịnh	728
352	Y10	Nhà tưởng niệm Tạ Uyên, xóm 1- Côi Trì, xã Yên Mỹ	727
353	Y11	Đền thờ Ninh Tôn, xóm 8B- Côi Trì, xã Yên Mỹ	954
354	Y12	Đền Thượng, thôn Phong Lâm Nam, xã Yên Đồng	327
355	Y13	Đền Đệ Nhị, thôn Hàn Trên, xã Yên Đồng	398
356	Y62	Núi Trường Sinh, xã Yên Đồng	16 300

357	Y14	Đền làng Trinh Nữ, thôn Trinh Nữ 3, xã Yên Hòa	877
358	Y15	Đình Trung Sơn, xóm 1- Bình Sơn, xã Mai Sơn	310
359	Y16	Đình và phủ Mẫu làng Bồ Vi, tổ dân phố 2, TT Yên Thịnh	356
360	Y17	Chùa Ninh Thượng, tổ dân phố 2, TT Yên Thịnh	323
361	Y18	Đền Ninh Thượng, tổ dân phố 2, TT Yên Thịnh	352
362	Y19	Đền Đông Nhạc, tổ dân phố 2, TT Yên Thịnh	568
363	Y20	Đền Vua Đồi, tổ dân phố Cổ Đà, TT Yên Thịnh	546
364	Y21	Đền Cây Xanh, tổ dân phố Trung Hậu, TT Yên Thịnh	632
365	Y22	Đình làng Tiên Hưng, tổ dân phố Hưng Thượng, TT Yên Thịnh	326
366	Y23	Chùa Tháp, thôn Luận, xã Khánh Thịnh	8 029
367	Y24	Đình làng Nộn Khê, thôn Nộn Khê, xã Yên Từ	2 222
368	Y25	Miếu Quảng Từ, thôn Quảng Từ, xã Yên Từ	3 680
369	Y26	Đền làng Phúc Lại, thôn Phúc Lại, xã Yên Từ	9 385
370	Y27	Đền thờ Trần Nhật Duật, thôn Vân Trà, xã Yên Thắng	436
371	Y28	Đền Nân, thôn Quảng Thượng, xã Yên Thắng	437
372	Y29	Nhà thờ Lưu Đắc Thái, thôn Quảng Thượng, xã Yên Thắng	433
373	Y30	Đền núi Ngự Hầu, thôn Bình Hào, xã Yên Thắng	632
374	Y31	Đền Phục Ban, xóm Giò, xã Yên Hưng	720
375	Y32	Chùa Bình Khang, thôn Bình Khang, xã Khánh Thượng	3 500



376	Y33	Đình Trung Lận Khê, thôn Lam Sơn, xã Khánh Thượng	3 075
377	Y34	Chùa Lam Sơn, thôn Lam Sơn, xã Khánh Thượng	710
378	Y35	Đình Lôi Thanh, thôn Tịch Chân, xã Khánh Thượng	380
379	Y36	Chùa Dậy Thăng Động, thôn Thăng Động, xã Khánh Thượng	6 080
380	Y37	Đình Thượng Tịch Chân, thôn Tịch Chân, xã Khánh Thượng	6 075
381	Y39	Đền La, thôn La, xã Yên Thành	752
382	Y40	Đình Lục Giáp, thôn Lộc, xã Yên Thành	744
383	Y41	Đền thờ Tạ Danh Nghĩa, thôn Bái, xã Yên Thành	327
384	Y42	Mộ Vũ Phạm Khải và đền họ Vũ, thôn Phương Tri, xã Yên Mạc	533
385	Y43	Chùa Hang, thôn Phương Tri, xã Yên Mạc	320
386	Y44	Đền thờ thái phó Lê Niệm, thôn Phương Tri, xã Yên Mạc	522
387	Y45	Đình làng Yên Mô Càn, thôn Yên Mô Càn, xã Yên Mạc	633
388	Y61	Khu vực Núi Voi - Núi Ông Đò	218 900
389	Y46	Đình làng Phù Sa, thôn Phù Sa, xã Yên Lâm	3 985
390	Y47	Đền Nhân Phấn, thôn Nhân Phấn, xã Yên Lâm	1 130
391	Y48	Đền Thượng, thôn Ngọc Lâm, xã Yên Lâm	3 100
392	Y49	Chùa Ngọc Lâm, thôn Ngọc Lâm, xã Yên Lâm	5 400
393	Y50	Đình Hậu Thôn, thôn Hậu Thôn, xã Yên Thái	700

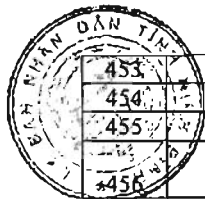
394	Y51	Đình làng Phương Mai, thôn Ngoài, xã Yên Nhân	3 920
395	Y52	Đền Bình Hải, thôn Bình Hải, xã Yên Nhân	975
396	Y53	Đền Trung Thạch Lỗi, thôn Thạch Lỗi, xã Khánh Dương	7 434
2.7	<b>Huyện Yên Khánh</b>		
397	Yk1	Đền Đồi, xóm 7, xã Khánh Mỹ	324
398	Yk2	Chùa Kiến Ốc, thôn 3, xã Khánh Trung	543
399	Yk3	Đền Kiến Ốc, thôn 8, xã Khánh Trung	322
400	Yk4	Đền Quyết Trung, thôn 19, xã Khánh Trung	632
401	Yk5	Nhà thờ Đổ Kết, thôn 21, xã Khánh Trung	543
402	Yk6	Đền Duyên Phúc, xóm Tây, xã Khánh Hồng	433
403	Yk7	Đền Đông Bình Hòa, xóm Bình Hòa, xã Khánh Hồng	231
404	Yk8	Đền Đông Thổ Mật, xóm Thổ Mật, xã Khánh Hồng	533
405	Yk9	Đền Thánh Tử, thôn 9, xã Khánh Mậu	642
406	Yk10	Đền Hải Đức, xóm 5 Nam Cường, xã Khánh Cường	324
407	Yk11	Đền thờ Phạm Văn Ngoạn, xóm 8 Nam Cường, xã Khánh Cường	522
408	Yk12	Nhà thờ Nguyễn Kim Quang, xóm Đồi, xã Khánh Hội	232
409	Yk13	Chùa Khánh Hội, xóm 4, xã Khánh Hội	325
410	Yk14	Đền thờ chủ tịch HCM, thôn Phú Tân, xã Khánh Phú	568
411	Yk15	Nhà thờ Nguyễn Văn Đức, thôn Phú Sơn, xã Khánh Phú	433



412	Yk16	Đền thôn Lê, thôn Phú An, xã Khánh Phú	329
413	Yk17	Đền Đức Đệ Nhị, thôn Bùi, xã Khánh An	671
414	Yk18	Đền thượng Yên Lý, thôn Triều, xã Khánh An	232
415	Yk19	Đình làng Văn Giáp, thôn Văn Giáp, xã Khánh An	235
416	Yk20	Đền tam Thánh, thôn Triều, xã Khánh An	633
417	Yk21	Chùa Yên Lữ, xã Khánh An	532
418	Yk22	Đình Yên Phú, thôn Phú Thượng, xã Khánh An	324
419	Yk23	Đền nhà bà Yên Công, thôn Yên Công, xã Khánh An	532
420	Yk24	nhà thờ họ Đoàn, thôn Yên Công, xã Khánh An	326
421	Yk25	Đền, chùa thôn Năm, xóm 5, xã Khánh Tiên	422
422	Yk26	Đình Tiên Tiên, thôn 10, xã Khánh Tiên	4 016
423	Yk27	Nhà thờ Thiên Hộ Giàn, xóm 4, xã Khánh Tiên	800
424	Yk28	Phủ xóm Nội, xóm Nội, xã Khánh Lợi	1 000
425	Yk29	Đền Trần, thôn Công, xã Khánh Lợi	3 030
426	Yk30	Đình xóm Bắc, xóm Bắc, xã Khánh Lợi	1 008
427	Yk31	Chùa Đồng Tháp, xã Khánh lợi	982
428	Yk32	Đình làng Thượng, xóm Thượng, xã Khánh Lợi	2 410
429	Yk33	Đình Tân, xã Khánh Lợi	7 694
430	Yk34	Nhà thờ Phạm Phúc Thuận, thôn Hiếu Thiện, xã Khánh Thiện	310
431	Yk35	Nhà thờ Đỗ Thế Duệ, xóm 1, xã Khánh Thiện	1 250
432	Yk36	Đền Trần Tương, làng La Bình, xã Khánh Vân	1 325
433	Yk37	Cụm đền chùa làng Phú Mỹ, xóm 5, Xuân Tiên, xã Khánh Vân	1 643
434	Yk38	Đền đồng làng Phú Mỹ, làng Phú Mỹ, xã Khánh Vân	622

435	Yk39	Đền Lưu Mỹ, xóm 2, Vân Tiến, xã Khánh Vân	835
436	Yk40	Đình thôn Phạm, xóm 8, xã Khánh Nhạ	325
437	Yk41	Đền thôn Đỗ, xóm 7, xã Khánh Nhạ	544
438	Yk42	Chùa Phúc Nhạ, xóm 2, xã Khánh Nhạ	436
439	Yk43	Đền thôn Đông, xóm 4, xã Khánh Nhạ	733
440	Yk44	Chùa Dầu, xóm Chùa, xã Khánh Hòa	547
441	Yk45	Đền Nội, thôn Thị Lân, TT Yên Ninh	723
442	Yk46	Nhà thờ thái úy Phạm Cự Lượng, thôn Thị Lân, TT Yên Ninh	433
443	Yk47	Đền thờ Triệu Việt Vương, khu Đông, TT Yên Ninh	351
444	Yk48	Nhà thờ Vũ Duy Thanh, thôn Vân Bông, xã Khánh Hải	1 200
445	Yk49	Mộ Vũ Duy Thanh, xóm Vân Lai, xã Khánh Hải	180
446	Yk50	nhà thờ Tiên sĩ Đinh Đình Thụy, thôn Yên Khê Thượng, xã Khánh Cư	145
447	Yk51	Đình làng Xuân Dương, thôn Xuân Dương 2, xã Khánh Cư	575
448	Yk52	Nhà thờ Bùi Thiện Tính, thôn Xuân Dương 2, xã Khánh Cư	100
449	Yk53	Đền Thánh Cả, thôn Yên Cư 1, xã Khánh Cư	1 060
450	Yk54	Mộ Bùi Thiện Tính, thôn Xuân Dương 2, xã Khánh Cư	200
2.8	<b>Huyện Kim Sơn</b>		
451	K1	Đền thờ Vũ Khắc Minh, xóm 13, Trĩ Tĩnh, xã Hùng Tiến	2 015
452	K2	Đình Hoài Lai, xóm 8, xã Lai Thành	4 434





453	K3	Nhà thờ Phạm Trọng Bảo, xóm 5, xã Lai Thành	75
454	K4	Đình làng Yên Lâm, xóm 1, xã Lai Thành	4 180
455	K5	Đình Thượng Kiệm, xóm 3, xã Thượng Kiệm	3 470
456	K6	Đình Thượng làng Tuy Lộc, xóm 12, xã Yên Lộc	533
457	K7	Đình Tự Tân, thôn Tự Tân, xã Tân Thành	3 535
458	K8	Đình Xuân Thành, thôn Xuân Thành, xã Tân Thành	2 710
459	K9	Đền Lưu Phương, thôn Lưu phương, xã Lưu Phương	687
460	K10	Nhà thờ đá Phát Diệm, phố Phát Diệm Đông, TT Phát Diệm	28 431
461	K11	Đền và chùa Tuy Định, xóm 1, xã Định Hóa	547
462	K12	Đền làng Văn Hải, làng Văn Hải, xã Văn Hải	790
463	K13	Đền làng Chi Thiện, làng Chi Thiện, xã Xuân Thiện	539
464	K14	Đền làng Quyết Bình, làng Quyết Bình, xã Chát Bình	760
465	K15	Đền Chát Thành, thôn Chát Thành, xã Chát Bình	900
466	K16	Đình làng Tức Hiệu, làng Tức Hiệu, xã Kim Định	658
467	K17	Miếu Tuần Lễ, thôn Tuần Lễ, xã Như Hòa	589
468	K18	Đền Như Độ, thôn Như Độ, xã Như Hòa	984
469	K19	Nhà thờ Vũ Văn Kê, thôn Tuần Lễ, xã Như Hòa	466
470	K20	Đền Tri Chính, xóm 1, xã Kim Chính	673
471	K21	Đền làng Kiến Thái, xóm 3, xã Kim Chính	437

472	K22	Đền Hoàng Kim, thôn Thủ Trung, xã Kim Chính	779
473	K23	Miếu Thủ Trung, xóm 5, xã Kim Chính	954
474	K24	Đền thờ Nguyễn Công Trứ, xóm 16, Lạc Thiện, xã Quang Thiện	1 195
475	K25	Miếu làng Lạc Thiện, xóm 16, Lạc Thiện, xã Quang Thiện	3 805
476	K26	Miếu làng Lưu Quang, xóm 10, Lưu Quang, xã Quang Thiện	9 120
477	K27	Miếu Giáp Tam, xóm 8, Lạc Thiện, xã Quang Thiện	2 215
478	K28	Miếu làng Trung Quy, xóm 6, làng Trung Quy, xã Quang Thiện	1 900
479	K29	Miếu làng Ứng Luật, xóm 3 làng Ứng Luật, xã Quang Thiện	3 555

### 3. Các điểm di chỉ khảo cổ:

STT	Số hiệu điểm	Các điểm di chỉ khảo cổ	Diện tích (m <sup>2</sup> )
480	Tp19	Di tích KCH núi Hai, Tổ dân phố 9, phường Bắc Sơn	300 000
481	Tp20	Di tích KCH hang Chợ ghênh (Núi một), Tổ dân phố 8, phường Bắc Sơn	200 000
482	Tp21	Di tích KCH núi Ba, Tổ dân phố 9, phường Bắc Sơn	400 000
483	Tp22	Di tích KCH hang Ốc, núi Ấp, thôn Lăng Ca, xã Yên Sơn	300 000
484	Tp23	Di chỉ KCH hang Sáo, thôn Hang Sáo, xã Quang Sơn	200 000
485	Tp24	Di chỉ KCH thung Lang, đường Thung Lang,	300 000



		phường Nam Sơn	
486	N107	Di tích KCH Hang Bụt, thôn Lạc 1, xã Lạc Vân	100 000
487	Y59	Di tích KCH Mán Bạc, thôn Bạch Liên, xã Yên Thành	200 000
488	Y60	Khu di tích KCH Đông Vườn, thôn Thượng Phùng, xã Yên Thành	300 000

### III. Danh mục 42 tuyến cấm hoạt động khoáng sản:

Loại tuyến cấm		Chiều dài (km)	Diện tích cấm HDKS (m <sup>2</sup> )
<b>1</b>	<b>Tuyến đường giao thông</b>		
<b>1.1</b>	<b>Hệ thống đường Quốc lộ</b>	<b>183.19</b>	<b>9 159 500</b>
1	QL 1A	34.3	1 715 000
2	QL 10	37.3	1 865 000
3	QL 12B	33.12	1 556 000
4	QL 12B kéo dài	44	2 200 000
5	Đường nối QL1 với cảng Ninh Phúc	13,258	320 500
6	QL38B	21.06	1 053 000
7	QL 45	9	450 000
<b>1.2</b>	<b>Hệ thống đường tỉnh lộ</b>	<b>290.12</b>	<b>11 604 800</b>
8	ĐT 476C	5,5	
9	ĐT. 477	24.44	977 600
10	ĐT. 477B	17.2	688 000
11	ĐT. 477C	17.2	688 000
12	ĐT.477D	22.2	888 000
13	ĐT.478B (Ba vương- Chùa bích)	6	240 000

	động)		
14	ĐT. 479	10	400 000
15	ĐT. 479B	13.6	544 000
16	ĐT. 479C	15.8	632 000
17	ĐT. 479D	11.2	448 000
18	ĐT. 479E	13.3	532 000
19	ĐT.480B (Chợ Lồng - Khánh Thiện)	12	480 000
20	ĐT.480C (Khánh cư - Yên Thành)	13.8	552 000
21	Tuyến nhánh ĐT.481	2	80 000
22	ĐT.481B (Khánh Cư - Kim Đài)	31.8	1 272 000
23	ĐT.481D (Quy Hậu - Đò Mười)	16.3	652 000
24	ĐT.481C (Cầu Đám - Khánh Thành)	10	400 000
25	ĐT.482 (Khánh Công - Yên Mật)	14	560 000
26	ĐT.482B (Yên Lâm - Sân Golf Yên Thắng)	12	480 000
27	ĐT.483	6.48	259 200
2	<b>Hệ thống đường sắt</b>	<b>23.67</b>	<b>781 110</b>
28	Đường sắt Bắc - Nam	21.6	712 800
29	Đường sắt chuyên dùng	2.07	68 310
3	<b>Hệ thống đê điều</b>		
30	Đê sông sông Đáy	75.4	4 147 000
31	Đê sông Hoàng Long	30.6	1 683 000
32	Đê sông Bôi	19.7	1 083 500
33	Đê sông Vạc	54.8	3 014 000
34	Đê sông Văn	6.2	341 000
4	<b>Hệ thống đường điện cao áp</b>		



35	500KV Sơn La – Nho Quan	3.44	79 120
36	500KV Hòa Bình – Nho Quan	2	46 000
37	500KV Thường Tín – Nho Quan	2.5	57 500
38	500KV Nho Quan – Hà Tĩnh	17.5	402 500
39	Trạm 500kv Nho Quan		104 562
40	Đường dây 220kV	98.8	1 482 000
41	Đường dây 110kV	174	2 610 000

1. Rừng đặc dụng, phòng hộ, rừng quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên		Diện tích cấm HĐKS (ha)
<b>1.1</b>	<b>Huyện Nho Quan</b>	
1	Vườn Quốc gia Cúc Phương	11 889
2	Rừng phòng hộ xã Cúc Phương, Kỳ Phú-2	61
3	Rừng phòng hộ xã Gia Lâm, Gia Tường -1	20
4	Rừng phòng hộ xã Gia Tường -1	8
5	Rừng phòng hộ xã Gia Tường, Thạch Bình -2	37
6	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú -1	333
7	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Cúc Phương -2	56
8	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Phú Long -3	322
9	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-4	66
10	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-5	114
11	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-6	58
12	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-7	35
13	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú-8	29
14	Rừng phòng hộ xã Kỳ Phú, Phú Long-9	42
15	Rừng phòng hộ xã Phú Long-1	40

16	Rừng phòng hộ xã Phú Long-2	172
17	Rừng phòng hộ xã Phú Long-3	42
18	Rừng phòng hộ xã Phú Long, Quảng Lạc-4	200
19	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -1	72
20	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -2	19
21	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -3	50
22	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -4	28
23	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -5	11
24	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -6	3
25	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -7	3
26	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -8	5
27	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình -9	48
28	Rừng phòng hộ xã Thạch Bình, Phú Sơn -10	76
29	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ-1	133
30	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ-2	46
31	Rừng phòng hộ xã Xích Thổ, Gia Lâm, Gia Sơn-3	191
32	Khu công viên động vật hoang dã Quốc Gia	1 152
<b>1.2</b>	<b>Thành phố Tam Điệp</b>	
33	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 2	26
34	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3A	9
35	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3B	10
36	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 3C	7
37	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 4	9
38	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 5	15
39	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 6	34
40	Rừng phòng hộ xã Quang Sơn - 7	8
41	Rừng phòng hộ xã Yên Sơn - 1	53
42	Rừng phòng hộ xã Yên Sơn - 2	5



43	Rừng phòng hộ phường Tân Bình	3
1.3	Huyện Yên Mô	
44	Rừng phòng hộ xã Yên Đồng	682
1.4	Huyện Kim Sơn	
45	Rừng phòng hộ ven biển Kim Sơn	1208

2. Các khu công nghiệp		Diện tích cắm HĐKS (ha)
46	Khu công nghiệp Gián Khẩu I	162
47	Khu công nghiệp Gián Khẩu II	100
48	Khu công nghiệp Phúc Sơn	145
49	Khu công nghiệp Khánh Phú	351
50	Khu công nghiệp Khánh Cư	67
51	Khu công nghiệp Tam Điệp I	64
52	Khu công nghiệp Tam Điệp II	386
53	Khu công nghiệp Kim Sơn	200

3. Hồ thủy lợi		Diện tích cắm HĐKS (m <sup>2</sup> )
3.1	Huyện Nho Quan	
54	Đập thủy lợi Bai Dung, thôn Đầm Rừng, xã Thạch Bình	150 000
55	Hồ thủy lợi Bãi Lóng, thôn Bãi Lóng, xã Thạch Bình	40 650
56	Hồ thủy lợi Luông Giang, thôn Đồi Ngọc, xã Thạch Bình	25 480
57	Hồ thủy lợi Đầm Bồng, thôn Đồi Ngọc, xã Thạch Bình	13 940
58	Hồ thủy lợi Vườn Cà, thôn Tiên Phong, xã Thạch Bình	87 940
59	Hồ thủy lợi Thạch La, thôn Thạch La, xã Thạch Bình	97 720
60	Hồ thủy lợi Đầm Mỏ, thôn Vệ Chùa, xã Thạch Bình	18 580
61	Hồ thủy lợi Trô Lười, thôn Vệ Đình, xã Thạch Bình	27 390

62	Hồ thủy lợi Thác La, thôn Đám Bông, xã Thạch Bình	4 400
63	Hồ thủy lợi Hoa Vàng, thôn 4, xã Gia Lâm	86 370
64	Hồ thủy lợi Gạt Lũ, thôn 4, xã Gia Lâm	106 000
65	Hồ thủy lợi Bà Thức, thôn Đức Thành, xã Xích Thổ	20 360
66	Hồ thủy lợi Rộc Đom, thôn Đức Thành, xã Xích Thổ	28 390
67	Hồ thủy lợi Rộc Thiệp, thôn Hồng Quang, xã Xích Thổ	4 170
68	Hồ thủy lợi Ông Thiệu, thôn Hùng Sơn, xã Xích Thổ	98 300
69	Hồ thủy lợi Sóc Héo, thôn Đông Minh, xã Gia Sơn	33 860
70	Hồ thủy lợi Vườn Điều, thôn Hạnh Phúc, xã Gia Sơn	375 300
71	Hồ Yên Quang 1, thôn Yên Ninh, xã Yên Quang	621 000
72	Hồ Yên Quang 2, thôn Yên Ninh, xã Yên Quang	661 500
73	Hồ Yên Quang 3, thôn Yên Thủy, xã Yên Quang	1 167 000
74	Hồ Yên Quang 4, thôn Tiền Phương 2, xã Văn Phương	456 100
75	Hồ Bãi Cà (Xuân Viên), thôn Xuân Phương (Bông Lai), xã Văn Phương	11 830
76	Hồ Bông Lai, thôn Xuân Phương (Bông Lai), xã Văn Phương	37 670
77	Hồ thủy lợi Hang Trăn, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	117 400
78	Hồ thủy lợi Nước Rô, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	248 800
79	Hồ thủy lợi Thường Sung, thôn Sào Lâm, xã Văn Phú	375 300
80	Hồ thủy lợi Đám Láo, thôn Phương Lâm, xã Văn Phú	62 400
81	Hồ thủy lợi Mất Rông, thôn 6, xã Phú Long	18 150
82	Hồ thủy lợi Đá Lái, thôn Vện, xã Phú Long	568 900
83	Hồ Bai Phú, Bản Sám, xã Kỳ Phú	22 710
84	Hồ Ao Lươn, bản Ao Lươn, xã Kỳ Phú	10 510
85	Hồ làng Cà, bản Bai Cà, xã Kỳ Phú	33 020
86	Hồ Sông Xanh, thôn Đồng Tâm, xã Sơn Hà	40 810
87	Hồ Trung Cấp, thôn Trung Thanh, xã Sơn Hà	5 197
88	Hồ thủy lợi Ông Chiêu, thôn Đồng Bài, xã Quảng Lạc	11 730





3.2	Thành phố Tam Điệp	
89	Hồ Bông, hồ Lý, hồ Mang Cá	86 367
90	Hồ Sông Cầu, hồ Trại Vòng	162 040

4. Du lịch sinh thái, danh lam thắng cảnh		Diện tích cấm HĐKS (ha)
91	Quần thể danh thắng Tràng An	12 252
92	Khu bảo tồn thiên nhiên đất ngập nước Vân Long	3 606
93	Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Chương	411
94	Khu du lịch sinh thái hồ Yên Thắng	592
95	Khu du lịch hồ Đồng Đền - Đồng Thái	156
96	Khu du lịch sinh thái hồ Đồng Thái, núi con lợn, núi giải cờ, núi ba ngọn	1 181